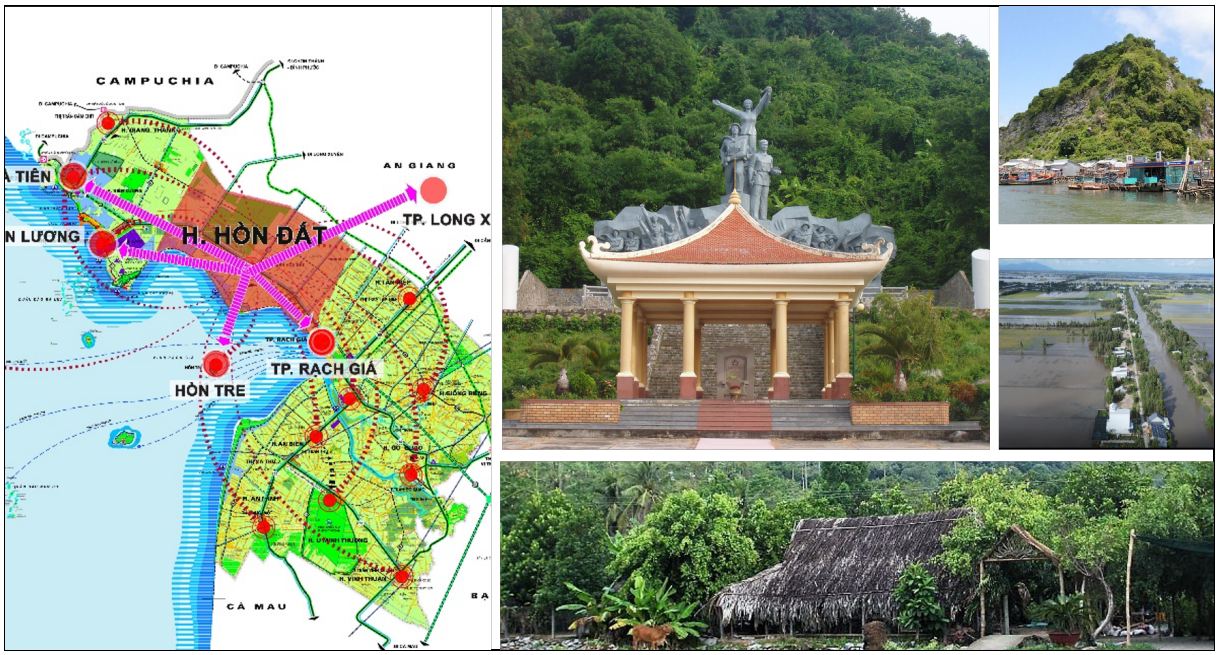
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

----------***----------

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN THUỶ SẢN BỀN VỮNG TỈNH KIÊN GIANG

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ



An Giang, tháng 08/2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT ii
DANH SÁCH BẢNG iii
DANH SÁCH HÌNH iii
GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ iv
1. GIỚI THIỆU 1
1.1. Thông tin chung 1
1.2. Mục tiêu của dự án 1
1.2.1. Mục tiêu tổng quát 1
1.2.2. Mục tiêu cụ thể 1
1.3. Các hợp phần của dự án 1
1.3.1. Hạng mục công trình 1
1.3.2. Hạng mục phi công trình 8
2. KHUNG PHÁP LÝ ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ 9
2.1. Khung pháp lý của Việt Nam 9
2.2. Tiêu chuẩn môi trường và xã hội số 7 (TCMTXH7) của WB 12
3. ĐẶC ĐIỂM CỦA CỘNG ĐỒNG DTTS TRONG VÙNG DỰ ÁN 13
3.1. Dân tộc thiểu số trong khu vực dự án 15
3.2. Đặc điểm kinh tế, văn hoá và xã hội của DTTS trong vùng dự án 15
3.2.1. Mục tiêu đánh giá xã hội 15
3.2.2. Phương pháp đánh giá xã hội 16
3.2.3. Thu thập và phân tích dữ liệu 17
3.2.4. Quy mô đánh giá xã hội 17
3.2.5. Kết quả Đánh giá xã hội 18
4. TÁC ĐỘNG CỦA dự án ĐẾN DTTS VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU 22
4.1. Tác động của dự án đối với DTTS 22
4.1.1. Tác động tích cực 22
4.1.2. Tác động tiêu cực 22
4.1.3. Biện pháp giảm thiểu 23
5. THAM VẤN CỘNG ĐỘNG VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN 24
5.1. Tham vấn cộng đồng 24
5.1.1. Trong quá trình chuẩn bị dự án 24
5.1.2. Tham vấn trong quá trình thực hiện dự án 30
5.1.3. Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông tin trước và đầy đủ (FPIC) 32
5.2. Công khai thông tin 33
6. ĐỀ XUẤT CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN DTTS 34
6.1. Hỗ trợ các hoạt động sinh kế và tạo cơ hội việc làm cho người DTTS 34
6.2. Nâng cao nhận thức cho người DTTS 34
6.3. Chính sách việc làm cho người DTTS 35
7. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI 37
8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 39
9. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ 40
9.1. Giám sát và đánh giá nội bộ 40
9.2. Giám sát và đánh giá độc lập 40
10. TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN 41
10.1. Tiến độ thực hiện 41
10.2. Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí 41
PHỤ LỤC 1: MẪU SÀNG LỌC DTTS 44
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ VÀ HÌNH ẢNH CÁC CUỘC HỌP THAM VẤN VỀ KHPTDTTS 45

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

BAH	:	Bị ảnh hưởng
BĐKH	:	Biến đổi khí hậu
BL&LDTD	:	Bóc lột và lạm dụng tình dục
BLG	:	Bạo lực giới
BLTE	:	Bạo lực trẻ em
BQLDA	:	Ban quản lý Dự án
CCGQKN	:	Cơ chế giải quyết khiếu kiện
DTTS	:	Dân tộc thiểu số
ĐBSCL	:	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐGMTXH	:	Đánh giá môi trường và xã hội
IBRD	:	Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế
KCSDTTS	:	Khung chính sách dân tộc thiểu số
KH&ĐT	:	Kế hoạch và Đầu tư
KHTV	:	Kế hoạch tham vấn
KHPTDTTS	:	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
KHQLMTXH	:	Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội
KMTXH	:	Khung Môi trường và Xã hội
MTSKAT	:	Môi trường, Sức khỏe và An toàn
MT&XH	:	Môi trường và Xã hội
NBD	:	Nước biển dâng
NCKT	:	Nghiên cứu khả thi
NHTG	:	Ngân hàng Thế giới
NTTS	:	Nuôi trồng thuỷ sản
PTTSBV	:	Phát triển thuỷ sản bền vững
QCCT	:	Quảng canh cải tiến
QL	:	Quốc lộ
QTQLLĐ	:	Quy trình quản lý lao động
QTUX	:	Quy tắc ứng xử
TBBHLĐ	:	Thiết bị bảo hộ lao động
TCMTXH	:	Tiêu chuẩn môi trường và xã hội
TVGSĐL	:	Tư vấn giám sát độc lập về môi trường và xã hội
TVGSXD	:	Tư vấn giám sát thi công
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
UBMTTQ	:	Uỷ ban mặt trận tổ quốc

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Tổng hợp các hạng mục đầu tư chính của dự án 2
Bảng 2: Các cống được xây dựng trong dự án 4
Bảng 3: Các thông số kỹ thuật chính của đường giao thông 5
Bảng 4: Thông số kỹ thuật của hệ thống điện trung và hạ thế 6
Bảng 5: Các công trình cải tạo cửa van trên tuyến đê biển 7
Bảng 6: Các công trình cải tạo cửa van trên tuyến kênh Đòn Dông 7
Bảng 7: Các văn bản pháp lý liên quan đến DTTS 10
Bảng 8: Dân số trung bình cả nước và dân số dân tộc thiểu số 13
Bảng 9: Dân số người DTTS (người) trong khu vực dự án 15
Bảng 10: Số người/hộ DTTS bị tác động bởi dự án 15
Bảng 11: Các bước đánh giá xã hội của dự án 16
Bảng 12: Quy mô điều tra kinh tế- xã hội người DTTS trong khu vực dự án 17
Bảng 13: Nghề nghiệp của người DTTS trong khu vực dự án 19
Bảng 14: Trình độ học vấn của các hộ DTTS trong khu vực dự án 19
Bảng 15: Thu nhập trung bình của người DTTS trong khu vực dự án 20
Bảng 16: Nguồn nước cho sinh hoạt của người DTTS trong vùng dự án 21
Bảng 17: Nhà vệ sinh người Khmer trong vùng dự án sử dụng 21
Bảng 18: Tổng hợp kết quả tham vấn cộng đồng trong quá trình chuẩn bị KHPTDTTS của dự án 26
Bảng 19: Đề xuất các bước tham vấn có ý nghĩa áp dụng cho dự án 30
Bảng 20: Các bước thực hiện FPIC đối với dự án 32
Bảng 21: Tổng hợp các hoạt động để phát triển người DTTS của dự án 35
Bảng 22: Các thông số giám sát nội bộ việc thực hiện KHPTDTTS 40
Bảng 23: Tiến độ thực hiện KHPTDTTS 41
Bảng 24: Dự toán kinh phí thực hiện KHPTDTTS 42
Bảng 25: Dự toán kinh phí cho 1 lớp tập huấn (50 người, 1 ngày) 42

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1: Bố trí các hạng mục công trình của dự án 3
Hình 2: Mặt cắt ngang đường giao thông 6
Hình 3: Mặt cắt dọc tuyến cống lấy nước qua đường D600 6
Hình 4: Quy trình giải quyết khiếu nại của dự án 39

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ

Người bị ảnh hưởng/ Hộ bị ảnh hưởng (BAH)	Đề cập đến bất kỳ cá nhân, hộ gia đình, công ty, tư nhân hoặc các tổ chức công cộng nào mà vì những thay đổi gây ra bởi Dự án sẽ có (i) Mức sống bị ảnh hưởng bất lợi; (ii) Quyền, quyền sở hữu hoặc quyền lợi đối với bất kỳ ngôi nhà, đất đai (bao gồm khu dân cư, thương mại, nông nghiệp, rừng, đất muối và/hoặc đất chăn thả), tài nguyên nước hoặc bất kỳ tài sản cố định hoặc di chuyển nào khác bị thu hồi, bị chiếm, bị cấm, hoặc bị ảnh hưởng bất lợi, toàn bộ hoặc một phần, vĩnh viễn hoặc tạm thời; và/hoặc (iii) Kinh doanh, nghề nghiệp, nơi làm việc, nơi cư trú hoặc môi trường sống bị ảnh hưởng bất lợi, phải hoặc không phải di dời. Trong trường hợp các hộ gia đình bị ảnh hưởng, cụm từ "người bị ảnh hưởng (BAH) bởi dự án" bao gồm tất cả các thành viên đang cư trú trong cùng một ngôi nhà và hoạt động như một đơn vị kinh tế riêng, những người bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dự án hoặc bất kỳ thành phần nào của dự án.
Cộng đồng bị ảnh hưởng	Là các làng, thôn, xóm/cộng đồng BAH bởi các tác động của: (a) thu hồi đất do bất kỳ hoạt động nào của dự án, cho dù có phải di dời hay không; tác động kinh tế (vĩnh viễn hoặc tạm thời); (b) cộng đồng chủ tiếp nhận các hộ gia đình phải di dời; hoặc (c) các cộng đồng xung quanh, các khía cạnh xã hội và văn hóa, những đối tượng sẽ BAH tiêu cực bởi dự án ; (d) các nguồn tự nhiên mang lại sinh kế hoặc gắn liền với bản sắc văn hóa.
Hỗ trợ và phục hồi	Là những hỗ trợ của dự án đối với hộ BAH bị thiệt hại về nguồn tài sản, việc làm hoặc sinh kế, ngoài các bồi thường đã được chi trả cho tài sản bị thu hồi, để khôi phục sinh kế.
Gắn kết tập thể	Là sự hiện diện vật lý và ràng buộc kinh tế với đất đai, lãnh thổ thuộc sở hữu truyền thống, hoặc được sử dụng hoặc chiếm hữu theo tập quán bởi nhóm dân tộc thiểu số liên quan, bao gồm những khu vực có ý nghĩa đặc biệt như như các khu vực linh thiêng. "Gắn kết tập thể" cũng chỉ việc gắn kết của các nhóm du canh/du cư với lãnh thổ mà họ sử dụng theo mùa hoặc theo chu kỳ.
Quyền theo phong tục đối với đất đai và tài nguyên	Đề cập đến các hình thức sử dụng lâu đời đất đai và tài nguyên của cộng đồng theo các luật, giá trị, phong tục, và truyền thống mang tính tập tục, bao gồm cả việc sử dụng theo mùa hoặc theo chu kỳ, thay vì theo quyền sở hữu hợp pháp đối với đất đai và tài nguyên được Nhà nước quy định.
Quyền lợi	Là các biện pháp gồm bồi thường bằng tiền hoặc hiện vật, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ phục hồi thu nhập, hỗ trợ chuyển nhượng, hỗ trợ tăng thu nhập, hỗ trợ di dời cho người BAH tùy thuộc vào loại và mức độ tổn thất của họ, để khôi phục nền tảng kinh tế và xã hội của họ.

Dân tộc thiểu số	Theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới, thuật ngữ Người bản địa là được sử dụng theo nghĩa chung để chỉ một nhóm văn hóa và xã xội có các đặc điểm ở các mức độ khác nhau như sau: (i) Tự xác định là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và được các nhóm khác công nhận danh tính này; (ii) Gắn bó tập thể với các môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý và lãnh thổ mà tổ tiên để lại trong khu vực dự ánvà các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong môi trường sống và các vùng lãnh thổ này; (iii) Có các thể chế văn hóa, xã hội, chính trị theo tập tục khác biệt so với các thể chế của nền văn hóa và xã hội chính thống; hoặc (iv) Có ngôn ngữ hoặc phương ngữ riêng, thường khác với ngôn ngữ chính thức của quốc gia hay khu vực. (v) Ở Việt Nam, thuật ngữ bản địa dùng để chỉ người dân tộc thiểu số (DTTS).
Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông tin trước và đầy đủ	Các cộng đồng dân tộc thiểu số có thể đặc biệt dễ bị tổn thương do bị mất, bị tách khỏi, hoặc bị khai thác đất đai và quyền tiếp cận của họ đối với tài nguyên thiên nhiên và văn hóa. Để xác định tính dễ bị tổn thương này, ngoài các Yêu cầu chung của Tiêu chuẩn Môi trường và xã hội (TCMTXH) số 7 (Phần A và những yêu cầu được nêu trong các TCMTXH số 1 và 10, Bên vay sẽ cần có sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) của các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng, nơi dự án sẽ: (a) có tác động tiêu cực đến đất đai và tài nguyên thiên nhiên được sở hữu theo truyền thống hoặc sử dụng, chiếm dụng theo tập quán; (b) gây ra việc di dời các cộng đồng DTTS ra khỏi vùng đất và nguồn tài nguyên tự nhiên thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng, chiếm dụng theo tập quán; hoặc (c) có tác động đáng kể đến di sản văn hóa của cộng đồng DTTS là phần vật chất thể hiện bản sắc và/hoặc văn hóa, nghi lễ, hoặc các khía cạnh tinh thần trong cuộc sống của các DTTS bị ảnh hưởng.
Sinh kế	Khả năng, tài sản và các hoạt động cần thiết để duy trì mức sống và chất lượng sống, bao gồm thu nhập tiền mặt và tiêu dùng.
Tham vấn có ý nghĩa	Là một quá trình hai chiều: (a) Bắt đầu ngay từ giai đoạn lập kế hoạch dự án để thu thập ý kiến về dự án được đề xuất và để thông báo về thiết kế dự án; (b) Khuyến khích các bên liên quan tham gia ý kiến, đặc biệt nhằm để bổ sung thông tin cho quá trình thiết kế dự án, cũng như tham vấn bên liên quan để xác định và giảm thiểu các rủi ro và tác động môi trường và xã hội; (c) Được thực hiện liên tục;

(d) Được thực hiện trên cơ sở công khai và phổ biến sớm các thông tin phù hợp, minh bạch, khách quan, có ích, và dễ tiếp cận trong khung thời gian cho phép tham vấn với các bên liên quan, theo hình thức phù hợp về văn hóa, bằng (các) ngôn ngữ địa phương thích hợp, dễ hiểu cho các bên liên quan;

(e) Có tiếp thu và trả lời các ý kiến;

(f) Hỗ trợ sự tham gia tích cực và toàn diện của các bên bị ảnh hưởng bởi dự án;

(g) Không có hành vi thao túng, can thiệp, ép buộc, phân biệt đối xử và đe dọa từ bên ngoài; và

(h) Được Bên vay tổng hợp và công khai tài liệu

Kế hoạch	Gồm 1 tập hợp các nguyên tắc, mục tiêu, thủ tục và ngân sách được xác định trước để đảm bảo việc hoạt động của dự án được suôn sẻ và phù hợp. Các mục tiêu định lượng (đất đai, con người) trong kế hoạch dự kiến. Các nội dung này sẽ được điều chỉnh khi cần trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án.
Tác động của dự án	Là các tác động tích cực và tiêu cực đối với DTTS gây ra bởi mọi hợp phần dự án. Tác động bất lợi thường là hậu quả ngay lập tức liên quan đến việc lấy một thửa đất, tác động tạm thời hoặc vĩnh viễn đến thu nhập và sinh kế, do việc hạn chế sử dụng các công viên hoặc khu bảo tồn được chỉ định hợp pháp. Người BAH trực tiếp bởi việc thu hồi đất có thể bị mất nhà, đất canh tác, tài sản, việc kinh doanh, hoặc các phương tiện kiếm sống khác. Nói cách khác, họ mất quyền sở hữu, quyền cư trú hoặc quyền sử dụng vì đất đai bị thu hồi không tự nguyện hoặc hạn chế tiếp cận.
Sự đồng thuận của cộng đồng các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng	Trong áp dụng chính sách, cụm từ này thể hiện một tập thể các cộng đồng DTTS, gồm cá nhân, và/hoặc các đại diện được công nhận của họ, trong việc ủng hộ dự án. Có được sự ủng hộ rộng rãi trong cộng đồng cho dù có thể có một vài cá nhân hoặc nhóm không đồng tình với hoạt động của dự án.
Các nhóm dễ bị tổn thương	Là những nhóm đặc biệt, những người BAH, một cách không đồng đều, từ việc bị mất tài sản cố định và di chuyển, các tài sản khác và cơ sở sản xuất, hoặc có nguy cơ bị gạt ra ngoài lề do tác động của tái định cư, đặc biệt là ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội do hậu quả từ việc mất đất, tài sản hoặc các tác động khác của dự án. Các hộ dễ bị tổn thương gồm: (i) phụ nữ đã ly hôn hoặc góa chồng là chủ hộ có người phụ thuộc và thu nhập thấp, (ii) hộ gia đình có người tàn tật hoặc mất sức lao động, (iii) hộ gia đình là hộ nghèo theo chỉ số chung về mức nghèo được Bộ Nội vụ quy định, (iv) trẻ em và hộ gia đình là người cao tuổi không có đất và không có các phương tiện hỗ trợ khác, và (v) các hộ gia đình DTTS.

1. GIỚI THIỆU

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang.

  Địa chỉ: số 6 Nguyễn Công Trứ, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
- Cơ quan thực hiện dự án: Ban quản lý dự án (BQLDA) đầu tư xây dựng các công trình NN và PTNT tỉnh An Giang.

  Địa chỉ: số 40 - Lô B11 - Đường Tôn Đức Thắng - Phường Rạch Giá, An Giang.
- Nhà tài trợ và đồng tài trợ: Ngân hàng Thế giới (NHTG)
- Tiến độ thực hiện dự án:
  - Thời gian chuẩn bị dự án: Năm 2021-2024.
  - Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025-2029.

1.2. Mục tiêu của dự án

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

1. Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ, tăng cường năng lực quản lý và tổ chức sản xuất nhằm phát triển ngành thuỷ sản theo hướng nâng cao giá trị, hội nhập quốc tế sâu rộng, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích và thu hút các thành phần kinh tế tham gia đóng góp cho mục tiêu phát triển bền vững ngành thuỷ sản của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

2. Mục tiêu cụ thể của dự án là phát triển hạ tầng các vùng sản xuất tôm giống, vùng nuôi tôm nước lợ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng tôm nuôi, bảo vệ môi trường.

1.3. Các hợp phần của dự án

1.3.1. Hạng mục công trình

3. Các hạng mục công trình chính của dự án bao gồm (*Bảng 1*):

- Đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng cơ bản, thiết yếu vùng nuôi trồng thủy sản tập trung bao gồm:
  - Xây dựng 23 cống phân ranh mặn ngọt phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, trồng lúa với quy mô Bc = 8-10m, nhà quản lý vận hành cống
  - Xây dựng đường giao thông cấp V đồng bằng tuyến bờ đông kênh Bình Giang 1 nối từ Quốc lộ 80 ra đến đê biển với tổng chiều dài khoảng 7,03km.
  - Xây dựng hệ thống đường điện trung thế khoảng 21,54km; đường điện hạ thế khoảng 3,64km và 30 trạm biến áp để vận hành các cống thuỷ lợi.
  - Cải tạo cửa van và thiết bị đóng mở: 05 cửa cống trên tuyến đê biển và 13 cống nội đồng dọc kênh Đòn Dông phục vụ nuôi trồng thuỷ sản trong vùng dự án.

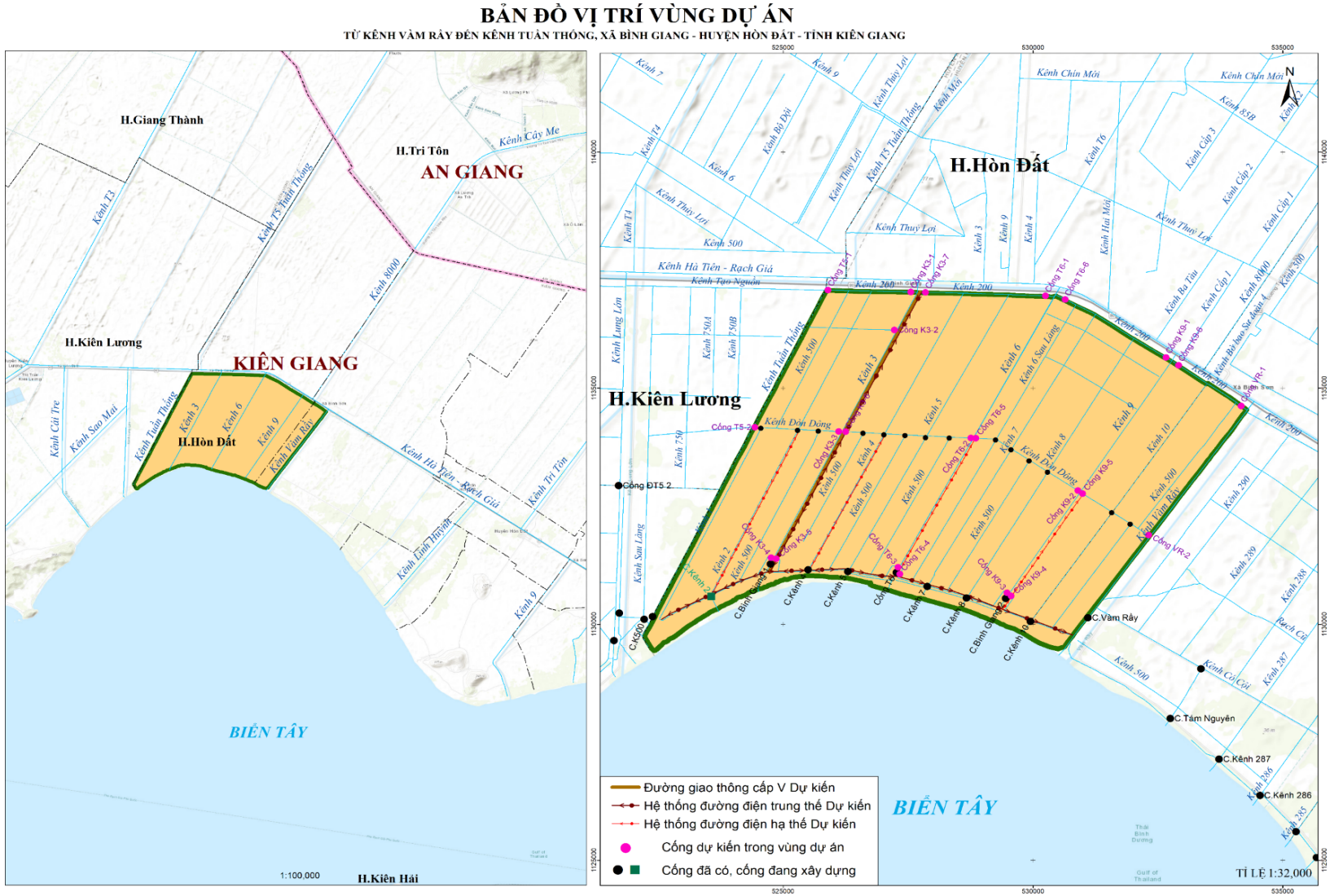
- Các công trình phụ trợ khác.

– Thực hiện các hoạt động cộng đồng chuyển đổi sinh kế gồm: Lúa - thủy sản, nuôi trồng thủy sản, lúa hữu cơ, nuôi sò huyết đạt tiêu chuẩn VietGAP,...

Bảng 1: Tổng hợp các hạng mục đầu tư chính của dự án

TT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Khối lượng
1	Hệ thống cống phân ranh mặn ngọt, điều tiết (B=8-10m)	cống	23
2	Cải tạo các cửa cống phục vụ NTTS hiện có vùng dự án	cống	18
3	Xây dựng đường giao thông cấp V đồng bằng (đường kênh Bình Giang 1, bờ trái từ QL80 – đê biển)	km	7,03
4	Hệ thống đường điện trung, hạ thế	km	25,18
5	Trạm biến áp	trạm	30

4. Chi tiết bố trí các hạng mục công trình của dự án được trình bày trong *Hình 1*.



Hình 1: Bố trí các hạng mục công trình của dự án

5. Chi tiết các thông số kỹ thuật của các hạng mục công trình của dự án được trình bày dưới đây:

1.1.1.1. Xây dựng các cống

6. Dự án sẽ xây dựng 23 cống với các thông số kỹ thuật được trình bày trong *Bảng 2*. Để vận hành các cụm cống, 4 nhà quản lý có diện tích 40m^2 được xây dựng tại cống K3-6, K3-7, K9-1 và K9-2.

Bảng 2: Các cống được xây dựng trong dự án

TT	Tên cống	Vị trí	Chiều rộng cửa cống (m)	Cầu giao thông	Nhà quản lý
1	T5-1	Xã Bình Giang	10	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
2	T5-2	Xã Bình Giang	10	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
3	K3-1	Xã Bình Giang	10	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
4	K3-2	Xã Bình Giang	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
5	K3-3	Xã Bình Giang	8	Cầu tải trọng HL93	
6	K3-4	Xã Bình Giang	8	Cầu tải trọng HL93	
7	K3-5	Xã Bình Giang	8	Cầu tải trọng HL93	
8	K3-6	Xã Bình Giang	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	Nhà cấp 4
9	K3-7	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	Nhà cấp 4
10	T6-1	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	
11	T6-2	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	
12	T6-3	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	
13	T6-4	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	
14	T6-5	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	
15	T6-6	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	
16	K9-1	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	Nhà cấp 4
17	K9-2	Xã Bình Giang	8	Cầu bê tông qua cống, tải trọng 0.65HL93	Nhà cấp 4

TT	Tên cống	Vị trí	Chiều rộng cửa cống (m)	Cầu giao thông	Nhà quản lý
18	K9-3	Xã Bình Giang	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
19	K9-4	Xã Bình Giang	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
20	K9-5	Xã Bình Giang	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
21	K9-6	Xã Bình Giang	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
22	VR-1	Xã Bình Sơn	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	
23	VR-2	Xã Bình Sơn	8	Cầu bộ hành, dầm GTNT I400	

1.1.1.2. Tuyến đường giao thông

7. Tuyến đường giao thông của dự án có chiều dài 7,03km nằm ở bờ Đông kênh Bình Giang 1 và có 36 cống ngang đường có đường kính D600 và dài 20m. Các cống này được xây dựng hoàn trả cho các hộ mà cống lấy nước BAH do thi công tuyến đường, trong đó:

- Thông số kỹ thuật của tuyến đường (Bảng 3*Bảng 3*):
  - Đường cấp V đồng bằng;
  - Tải trọng trục tính toán: 100kN;
  - Chiều dài tuyến: L=7,03km;
  - Cao trình tim đường: +2,5m đến +3,8m.

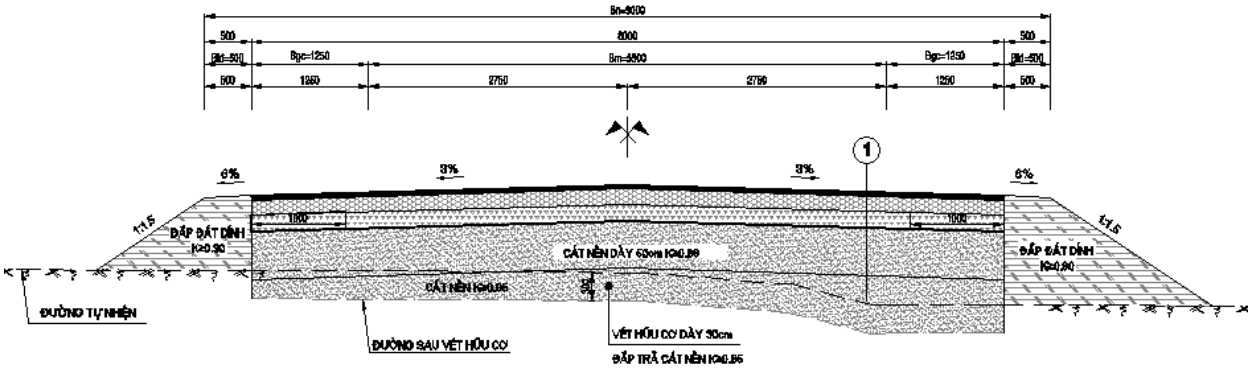
Bảng 3: Các thông số kỹ thuật chính của đường giao thông

TT	Hạng mục	Hiện trạng	Quy mô xây dựng			
			Kết cấu	B mặt (m)	Cao trình	Chiều dài (km)
1	Đường bờ Đông kênh Bình Giang 1	- Đường đất rộng 2-3m - Cao trình mặt đường +1,7m đến +3,8m	Đường giao thông cấp V đồng bằng, mặt đường láng nhựa	$B_{tổng}$ = 9,0m trong đó $B_{mặt}$ = 8,0m $B_{lề}$=2x0,5m	+2,5 đến +3,9	7,03
- Điểm đầu: QL80 - Điểm cuối: đê biển				$B_{lề}$=2x0,5m		
				$B_{tổng}$ =9,0m		

- Quy mô mặt cắt ngang của tuyến đường (*Hình 2*):
  - Chiều rộng phần xe chạy : 2,75m x 2 = 5,5m;
  - Chiều rộng lề : 1,75m x 2 = 3,5m;
    - + Phần lề gia cố : 1,25m x 2 = 2,5m;
    - + Phần lề đất : 0,50m x 2 = 1,0m;

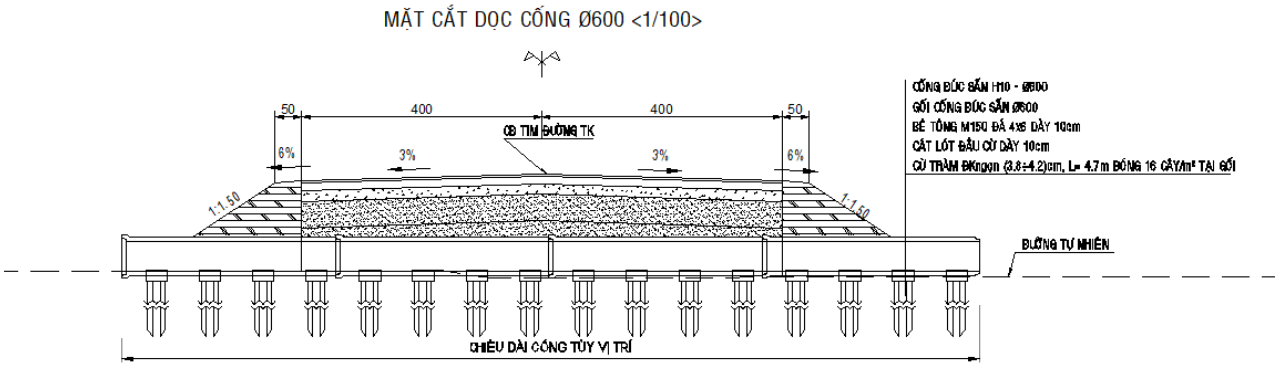
Tổng cộng : 9,0m.

- Kết cấu mặt đường:
  - Láng nhựa 3 lớp dày 4,5cm, tiêu chuẩn nhựa 5,5kg/m^2;
  - Đá dăm nước dày 15cm, K ≥ 0,98;
  - Cấp phối đá dăm loại I dày 20cm, K ≥ 0,98;
  - Vải địa kỹ thuật cường độ 12kN/m;
  - Cát đắp đầm chặt lớp trên K ≥ 0,98 dày 50cm;
  - Cát đắp đầm chặt lớp dưới K ≥ 0,95;
  - Bóc phong hóa dày 30cm, đắp cát bù K ≥ 0,95.



Hình 2: Mặt cắt ngang đường giao thông

8. Trên tuyến đường sẽ tái thiết 36 cống/bọng lấy nước ngang đường (lấy nước từ kênh Bình Giang 1 vào nội đồng) tại các vị trí cống hiện hữu sẽ được xây dựng. Cống làm bằng bê tông ly tâm đường kính D=0,6m, loại chịu tải trọng H30-XB80. Cống được đặt trên gối cống gia cố bằng cừ tràm đóng với mật độ 16 cây/m^2 (*Hình 3*).



Hình 3: Mặt cắt dọc tuyến cống lấy nước qua đường D600

1.1.1.3. Hệ thống điện trung và hạ thế

9. Các thông số kỹ thuật của hệ thống điện trung và hạ thế được đầu tư trong dự án được trình bày trong *Bảng 4.*

Bảng 4: Thông số kỹ thuật của hệ thống điện trung và hạ thế

STT	Hạng mục	Chiều dài (km)
I	**Điện trung thế**	**21.538**

1	Tuyến 1: theo kênh Bình Giang 1 (kênh 3)	7.470
	- Điểm đầu: Quốc lộ 80	
	- Điểm cuối: đê biển	
2	Tuyến 2: theo tuyến đê biển	6.385
	- Điểm đầu: kênh Hai	
	- Điểm cuối: kênh Mười	
3	Tuyến 3: theo tuyến Đòn Dông	5.130
	- Điểm đầu: kênh Tuần Thống	
	- Điểm cuối: kênh Vàm Rầy	
4	Tuyến 4: Đường dây trung áp từ lưới điện 03 pha 04 dây đến Các cống xây dựng mới và các cống sửa chữa	2.553
II	**Đường dây hạ thế (từ lưới điện hạ thế hiện tại đến các cống được nâng cấp)**	**3.640**

1.1.1.4. Cải tạo các cửa cống

10. Chi tiết các thông số kỹ thuật của các cống được cải tạo trong dự án được trình bày trong *Bảng 5* và *Bảng 6*.

Bảng 5: Các công trình cải tạo cửa van trên tuyến đê biển

STT	Tên cống	Địa điểm xây dựng	Quy mô hiện trạng					Giải pháp cải tạo nâng cấp
			Chiều rộng cửa van (m)	Chiều cao cửa van (m)	Số cửa	Cao trình ngưỡng (m)	Cao trình pin (m)	
1	Cống Kênh số 10	Bình Giang	5,5	4,7	1	-2,7	2,0	Thay thế cửa van đóng mở tự động bằng cửa phẳng đóng mở cưỡng bức bằng tời điện
2	Cống Kênh Tám	Bình Giang	5,5	4,7	1	-2,7	2,0	
3	Cống Kênh Bảy	Bình Giang	5,5	4,5	1	-2,5	2,0	
4	Cống Kênh 5	Bình Giang	5,5	4,7	1	-2,7	2,0	
5	Cống Kênh Hai (HĐ)	Bình Giang	5,5	4,7	1	-2,7	2,0	

Bảng 6: Các công trình cải tạo cửa van trên tuyến kênh Đòn Dông

STT	Cống	Khẩu độ cống (m)	Cao độ ngưỡng (m)	Cao độ đỉnh cửa (m)	Kích thước cửa bxh (m)	Giải pháp cải tạo nâng cấp
1	Cống kênh 1	4	-1,8	2,2	4,2x4	Thay thế cửa van gỗ đóng mở dùng Pa lăng xích 10T thành cửa van thép đóng mở bằng tời điện TĐ4-2
2	Cống kênh 2	3,5	-1,8	2,2	3,7x4	
3	Cống kênh 500 (kênh 2 - kênh 3)	4	-1,8	1,7	4,2x3,5	
4	Cống kênh 500 (kênh 3 - kênh 4)	4	-1,8	1,7	4,2x3,5	

STT	Cống	Khẩu độ cống (m)	Cao độ ngưỡng (m)	Cao độ đỉnh cửa (m)	Kích thước cửa bxh (m)	Giải pháp cải tạo nâng cấp
5	Cống kênh 4	3,5	-1,8	1,7	3,7x3,5	
6	Cống kênh 500 (kênh 4 - kênh 5)	4	-1,8	1,7	4,2x3,5	
7	Cống kênh 5	3,5	-1,8	1,7	3,7x3,5	
8	Cống kênh 500 (kênh 5 - kênh 6)	4	-1,8	1,7	4,2x3,5	
9	Cống kênh 500 (kênh 6 - kênh 7)	4	-1,8	1,7	4,2x3,5	
10	Cống kênh 7- Kênh Đòn Dông bờ Nam	4,5	-1,8	2,2	4,7x4	
11	Cống kênh 500 (kênh 7 - kênh 8)	4	-1,8	2,2	4.2x4	
12	Cống kênh 8- Kênh Đòn Dông bờ Nam	4,5	-1,8	2,2	4,7x4	
13	Cống kênh 10- Kênh Đòn Dông bờ Nam	4,5	-1,8	1,7	4,7x3,5	Thay thế đóng mở dùng Pa lăng xích 10T thành đóng mở bằng tời điện TĐ4-2

1.3.2. Hạng mục phi công trình

11. Các giải pháp phi công trình được thực hiện của dự án:

- Thành lập và củng cố các tổ hợp tác sản xuất, bao gồm:
  - Tổ chức nông dân, các tổ này có quy chế hoạt động ổn định, tham gia vào công tác quản lý hoạt động của các thành viên theo hướng sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch.
  - Các hợp tác xã để đàm phán liên kết chuỗi, xây dựng chuỗi, quản lý chuỗi hoạt động hiệu quả nhờ việc áp dụng thực hành các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.
- Tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền về dự án nhằm tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của người dân đối với các hoạt động triển khai trong dự án, giảm tỷ lệ người dân sử dụng nước ngầm trong sản xuất nông nghiệp và nâng cao ý thức của người dân trong việc sản xuất gắn liền với bảo vệ và tái tạo nguồn tài nguyên, bao gồm:
  - Tổ chức hội thảo cho từng mô hình, tọa đàm chia sẽ kinh nghiệm, bảng pano tuyên truyền ở 02 xã của dự án.
  - Tuyên truyền trên báo đài về dự án.
- Xây dựng mô hình trình diễn.
- Tập huấn, đào tạo, chuyển giao nâng cao năng lực và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đáp ứng nhu cầu thị trường, giảm phát thải khí nhà kính.
- Liên kết, nhân rộng mô hình, giới thiệu và đăng ký doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm để giúp cộng đồng ứng dụng sản xuất các mô hình hiệu quả bền vững hướng tới đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp bao tiêu và giảm thiểu giá thành sản xuất sản phẩm nhờ liên kết doanh

nghiệp đầu vào có sản phẩm nguồn gốc rõ ràng, chất lượng; mua với qui mô và số lượng lớn tập trung, trong đó bao gồm:

- Ít nhất 02 chuỗi giá trị liên kết thành công (mỗi xã 1 chuỗi), ký kết hợp đồng bao tiêu lúa đạt chứng nhận (VietGAP, SRP, Hữu cơ, ASC, BAP).
- Ít nhất 02 chuỗi giá trị liên kết thành công (mỗi xã 1 chuỗi), ký kết hợp đồng bao tiêu thủy sản đạt chứng nhận (VietGAP, SRP, Hữu cơ, ASC, BAP).

– Hỗ trợ đào tạo, tư vấn và chứng nhận các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp liên kết chuỗi (VietGAP, SRP, Hữu cơ, ASC, BAP).

– Hỗ trợ áp dụng công nghệ thông minh thích ứng biến đổi khí hậu trong sản xuất và ứng dụng công nghệ trong sản xuất nhằm hạn chế sử dụng hóa chất, giảm phát thải khí carbon.

– Xây dựng truy xuất nguồn gốc điện tử - QR code cho 04 chuỗi sản phẩm.

– Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất các mô hình từ hoạt động hỗ trợ của dự án.

2. KHUNG PHÁP LÝ ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. Khung pháp lý của Việt Nam

12. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013) ghi nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam. Cụ thể, Điều 5 của Hiến pháp năm 2013 quy định:

– Việt Nam là nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

– Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi sự phân biệt đối xử, hoặc chia rẽ sắc tộc.

– Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

– Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển đất nước.

13. Việc điều chỉnh các chính sách kinh tế, xã hội phù hợp với từng vùng, từng nhóm, có tính đến nhu cầu của các dân tộc thiểu số là một yêu cầu. Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội và Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam đặc biệt kêu gọi sự quan tâm đối các dân tộc thiểu số. Các chương trình quan trọng hướng đến đồng bào dân tộc thiểu số bao gồm Chương trình 135 (cơ sở hạ tầng vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa) và Chương trình 134 (xóa nhà ở chất lượng kém). Đã có chính sách giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS. Khung pháp lý đã được cập nhật vào năm 2014.

14. Chính phủ Việt Nam đã xây dựng một loạt các chính sách nhằm phát triển, nâng cao điều kiện kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chính phủ đã thực hiện chương trình 135 (còn gọi là SEDEMA[1]), cho các giai đoạn 1 và 2 nhằm tăng cường phát triển kinh tế - xã hội ở các xã nghèo ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chương trình 135 giai đoạn 3 cũng được triển khai gồm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho các xã khó khăn, xã vùng biên, xã trong toàn vùng, thôn, bản khó khăn trong giai đoạn 2012-2015 (là dự án thành phần của chương trình Mục tiêu quốc gia nhằm giảm nghèo bền vững) và giai đoạn 2016-2020, nhằm tăng cường phát triển kinh tế - xã hội các xã nghèo miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh Chương trình phát triển đồng bào dân tộc

[1] Chương trình phát triển kinh tế xã hội tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

thiểu số chung, Chính phủ đã giao cho Ủy ban Dân tộc hướng dẫn các tỉnh chuẩn bị các dự án Hỗ trợ phát triển cho các dân tộc với dân số dưới 1.000 người là Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ơ Đu. Chính phủ cũng tiến hành Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững tại 61 huyện nghèo, nơi có nhiều đồng bào DTTS sinh sống.

15. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Nghị định quy định Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: Công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

16. Các văn bản của Chính phủ dựa trên nền tảng dân chủ và sự tham gia của người dân địa phương liên quan trực tiếp đến Khung chính sách dân tộc thiểu số (KCSDTTS) của Dự án Phát triển thuỷ sản bền vững. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 (thay thế cho Nghị định 79/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2003) về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn là cơ sở pháp lý cho việc tham gia của cộng đồng vào việc chuẩn bị các kế hoạch phát triển và giám sát cộng đồng ở Việt Nam.

17. Luật Đất đai 2024 khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua việc giao đất, cho thuê đất, công nhận và quản lý việc sử dụng đất. Đối với việc giao đất lâm nghiệp, Luật Đất đai quy định việc giao đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng. Tuy nhiên, mỗi loại đất rừng được giao cho người sử dụng khác nhau với các quyền khác nhau. Những người được Nhà nước giao đất được gọi là "người sử dụng đất". Luật Đất đai quy định người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được hưởng sản phẩm từ việc đầu tư trên đất. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất trồng rừng sản xuất có quyền chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, thừa kế, thế chấp, liên doanh liên kết giá trị diện tích đất đó; đối với đất rừng khác thì không được chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, thừa kế, thế chấp, liên doanh giá trị diện tích đất.

18. Việc xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội cho từng vùng và nhóm đối tượng cần xét đến nhu cầu của đồng bào DTTS. Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam kêu gọi sự quan tâm đặc biệt đối với các DTTS. Các chính sách về giáo dục, y tế cho đồng bào DTTS cũng đã được ban hành.

19. *Bảng 7* trình bày tóm tắt các văn bản pháp lý của Việt Nam liên quan đến DTTS.

Bảng 7: Các văn bản pháp lý liên quan đến DTTS

Năm	Số văn bản và nội dung chính của văn bản
2021	Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
2017	Quyết định số 582/QĐ -TTg ngày 28/4/2017 về việc phê duyệt danh sách các ấp đặc biệt khó khăn, các xã thuộc khu vực III, khu vực II và khu vực I của vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020
2016	Quyết định số 2086/TTR-UBDT ngày 31/10/2016 về việc phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020
2016	Quyết định 2085/QĐ -TTg ngày 31/6/2016 về việc phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020

Năm	Số văn bản và nội dung chính của văn bản
2016	Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg ngày 11/03/2016 (Về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ -TTg ngày 18/07/2012 về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng DTTS miền núi 2012-2015) và Quyết định số 1049/QĐ -TTg ngày 26/6/2014 (Ban hành danh mục đơn vị hành chính vùng khó khăn)
2015	Quyết định số 1557/QĐ -TTg ngày 10/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt một số chỉ tiêu của Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.
2014	Quyết định số 456/QĐ-CEM ngày 07/11/2014 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong công tác dân tộc thiểu số.
2014	Chỉ thị số 28/CT -TTg ngày 10/08/2014 về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong công tác DTTS.
2013	Thông tư liên tịch số 05/2013-TTLT-UBDT-NNPTNT-KHDT-TC-XD ngày 18/11/2013 hướng dẫn Chương trình hỗ trợ 135 cho đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, khu vực an ninh xã hội, và các thôn, bản đặc biệt khó khăn.
2013	Quyết định số 2214/QĐ -TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng DTTS
2013	Quyết định số 56/2013/QĐ -TTg ngày 07/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quyết định số 18/2011/QĐ -TTg ngày 18/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS.
2013	Quyết định số 29/2013/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/06/2008 về một số chính sách hỗ trợ đất tái định cư, đất canh tác và việc làm cho đồng bào DTTS và các hộ khó khăn vùng ĐBSCL.
2013	Quyết định số 551/QĐ -TTg ngày 04/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, khu vực an ninh xã hội, và các thôn, bản đặc biệt khó khăn.
2012	Thông tư số 02/2013/TT-UBDT ngày 04/12/2012 hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 54/2012/QĐ -TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách cho vay phát triển kinh tế hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn.
2012	Quyết định số 42/2012/QĐ -TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người DTTS ở miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.
2012	Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-CEM ngày 17/01/1012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn và trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS.
2010	Quyết định 2123/QĐ -TTg ngày 22/11/2010 của Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục vùng DTTS.
2010	Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
2009	Quyết định số 61/QĐ-UBDT ngày 12/03/2009 về việc công nhận xã, huyện ở miền núi, vùng cao do điều chỉnh địa giới hành chính.
2008	Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững cho 61 huyện nghèo nhất

Năm	Số văn bản và nội dung chính của văn bản
2008	Quyết định số 1366/QĐ -TTg ngày 25/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 289/QĐ -TTg ngày 18/03/2008 về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ người DTTS, hộ chính sách xã hội, hộ nghèo, cận nghèo và ngư dân.
2008	Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 20/5/2013 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững cho 61 huyện nghèo nhất.

2.2. Tiêu chuẩn môi trường và xã hội số 7 (TCMTXH7) của WB

20. TCMTXH 7 áp dụng cho một nhóm văn hóa và xã hội riêng biệt được xác định theo đoạn 8 và 9 của tiêu chuẩn này. Ở một số quốc gia, các nhóm như vậy được gọi là "Người bản địa" hoặc "Dân tộc thiểu số" trong bối cảnh của Việt Nam.

21. TCMTXH7 áp dụng bất cứ khi nào có sự hiện diện của người DTTS hoặc khi người DTTS có sự gắn bó chung với khu vực dự án được đề xuất, như được xác định trong quá trình đánh giá môi trường và xã hội. Tiêu chuẩn này áp dụng bất kể cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực và bất kể mức độ tác động. TCMTXH 7 cũng được áp dụng dù có hay không các yếu tố dễ bị tổn thương (DBTT) về kinh tế, chính trị hoặc xã hội, mặc dù bản chất và mức độ của tình trạng DBTT sẽ là một biến chính trong việc thiết kế các kế hoạch thúc đẩy tiếp cận công bằng các lợi ích hoặc để giảm thiểu các tác động bất lợi.

22. Trong TCMTXH 7, thuật ngữ DTTS được sử dụng theo nghĩa chung, để chỉ một nhóm văn hóa và xã hội có các đặc điểm sau ở các mức độ khác nhau:

(a) Tự xác định là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và được các nhóm khác công nhận danh tính này;

(b) Gắn bó tập thể với các môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý và lãnh thổ mà tổ tiên để lại trong khu vực dự án và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong môi trường sống và các vùng lãnh thổ này;

(c) Có các thể chế văn hóa, xã hội, chính trị theo tập tục khác biệt so với các thể chế của nền văn hóa và xã hội chính thống; hoặc

(d) Có ngôn ngữ hoặc phương ngữ riêng, thường khác với ngôn ngữ chính thức của quốc gia hay khu vực.

23. Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho các cộng đồng hoặc nhóm cộng đồng DTTS mà trong thời gian sinh sống của các thành viên trong cộng đồng hoặc nhóm, đã mất đi sự gắn kết tập thể với các môi trường sống riêng biệt hoặc lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án, do bị mất việc, xung đột, các chương trình tái định cư của chính phủ, tước đoạt đất, thiên tai hoặc sát nhập lãnh đó vào khu vực đô thị. ESS7 cũng áp dụng cho người dân sống trong rừng, người săn bắn hái lượm, người chăn gia súc hoặc các nhóm du mục khác, tùy thuộc vào việc đáp ứng các tiêu chí trong đoạn 8.

24. Sau khi NHTG xác định rằng có sự hiện diện của cộng đồng DTTS hoặc có gắn kết tập thể với khu vực dự án, Bên vay có thể được yêu cầu tìm kiếm thông tin đầu vào từ các chuyên gia để đáp ứng các yêu cầu về tham vấn, lập kế hoạch hoặc các yêu cầu khác của tiêu chuẩn này. NHTG có thể áp dụng các quy trình quốc gia trong quá trình sàng lọc dự án để xác định, theo đoạn 8 và 9, các cộng đồng DTTS (vì chúng có thể được đề cập trong bối cảnh quốc gia), với điều kiện các quy trình này đáp ứng các yêu cầu của ESS7.

25. Là điều kiện tiên quyết để phê duyệt dự án đầu tư, TCMTXH 7 yêu cầu Cơ quan thực hiện dự án tiến hành tham vấn trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ những người DTTS có khả năng bị ảnh hưởng và thiết lập mô hình hỗ trợ cộng đồng rộng khắp cho dự án và các mục tiêu của dự án. Các mục tiêu chính của TCMTXH 7 là:

(a) Đảm bảo quá trình phát triển dự án khuyến khích sự tôn trọng hoàn toàn quyền con người, phẩm giá, nguyện vọng, bản sắc, văn hóa và sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên của các cộng đồng DTTS.

(b) Tránh các tác động tiêu cực của các dự án đến các cộng đồng DTTS, hoặc khi không thể tránh được, thì giảm thiểu, giảm nhẹ và/hoặc bồi thường cho các tác động đó.

(c) Tăng cường lợi ích và các cơ hội phát triển bền vững cho cộng đồng DTTS theo cách thức dễ tiếp cận, toàn diện và phù hợp về văn hóa.

(d) Cải tiến thiết kế dự án và thúc đẩy sự hỗ trợ của địa phương bằng cách thiết lập và duy trì mối quan hệ liên tục dựa trên tham vấn có ý nghĩa với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án trong suốt vòng đời của dự án.

(e) Để có được sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC) từ các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng trong ba trường hợp được mô tả trong TCMTXH7.

(f) Công nhận, tôn trọng và bảo tồn văn hóa, kiến thức và tập quán của các cộng đồng DTTS, đồng thời tạo cơ hội cho họ thích ứng với các điều kiện đang thay đổi theo cách thức và khung thời gian phù hợp với họ.

26. Như vậy theo TCMTXH7, Dự án đã phát triển KCSDTTS và khung này sẽ được áp dụng cho các dự án thuộc dự án này, cung cấp hướng dẫn về cách thực hiện sàng lọc sơ bộ về cộng đồng DTTS, đánh giá xã hội, xác định các biện pháp giảm thiểu, giải quyết khiếu nại/khiếu kiện và các vấn đề nhạy cảm về giới và giám sát. Kết quả khảo sát trong quá trình chuẩn bị dự án cho thấy có sự hiện diện của DTTS trong khu vực thực hiện dự án. Người DTTS sẽ có lợi ích lâu dài thông qua việc đầu tư vào các hợp phần của dự án. Tuy nhiên, họ cũng có thể bị ảnh hưởng (BAH) tiêu cực bởi việc thu hồi đất và/hoặc tái định cư phục vụ cho dự án này. Các chính sách và kế hoạch hành động cụ thể để giảm thiểu tác động tiềm tàng của việc thu hồi đất và tái định cư (TĐC) sẽ được xây dựng trong quá trình chuẩn bị kế hoạch tái định cư (KHTĐC) của dự án. Ngoài ra, theo KCSDTTS của dự án, KHPTDTTS cũng được xây dựng để giải quyết các vấn đề về DTTS trong quá trình thực hiện dự án.

3. ĐẶC ĐIỂM CỦA CỘNG ĐỒNG DTTS TRONG VÙNG DỰ ÁN

27. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc cùng sinh sống. Người Kinh chiếm 85,4% dân số Việt Nam, với 78,32 triệu người. 53 DTTS còn lại chỉ chiếm 14,6% dân số cả nước (Xem *Bảng 8*). Các dân tộc đông nhất là: Kinh (Việt) 86,2%, Tày 1,9%, Thái 1,7%, Mường 7%, H'Mông (Mông) 1%, các dân tộc khác 4,1%. Người Việt (Kinh) chủ yếu sinh sống ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng ven biển miền Trung, ĐBSCL và các thành phố lớn.

Bảng 8: Dân số trung bình cả nước và dân số dân tộc thiểu số

TT	Chỉ tiêu	Dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1.	**Dân số cả nước, trong đó:**	**91.713.345**	**100,0**
	Nam	45.234.104	49,3

	Nữ	46.479.241	50,7
	Thành thị	31.131.496	33,9
	Nông thôn	60.581.849	66,1
2.	**Dân số dân tộc thiểu số cả nước**	**13.386.330**	**100,0**
	Nam	6.721.461	50,2
	Nữ	6.664.869	49,8
	Thành thị	1.438.315	10,7
	Nông thôn	11.948.015	89,3

Nguồn: Trung tâm Quyền của người dân tộc thiểu số và miền núi (HRC)

28. Mặc dù Việt Nam ủng hộ Tuyên bố về quyền của người bản địa (UNDRIP), Chính phủ không đồng nhất khái niệm người DTTS với người bản địa. Thay vào đó, Chính phủ dùng thuật ngữ "dân tộc thiểu số" để chỉ chung cho những người không thuộc dân tộc Kinh, thể hiện chủ trương "thống nhất trong đa dạng" của Chính phủ.

29. Giữa các DTTS cũng có rất nhiều khác biệt. Trong số đó, người Hoa (dân tộc Hán) có nhiều đặc điểm văn hóa tương đồng với văn hóa Việt Nam, và họ cũng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Vì vậy, người Hoa thường không được ghi nhận là một "dân tộc thiểu số" ở Việt Nam. Các dân tộc khác, ví dụ như dân tộc H'Mông và dân tộc Nùng chủ yếu sống dựa vào trồng trọt và duy trì đời sống văn hóa gắn liền với những khu rừng. Các DTTS cũng được phân chia theo hệ ngôn ngữ. Ngôn ngữ của các dân tộc Việt Nam được chia làm 8 nhóm: Việt – Mường, Tày – Thái, Môn – Khmer, Mông – Dao, Ka đai, Nam đào, Hán và Tạng. 96% các DTTS nói tiếng mẹ đẻ của họ.

30. Một số DTTS rất giỏi về một số kỹ thuật canh tác trồng lúa trên ruộng sình lầy, gồm cả thủy lợi và các hoạt động săn bắn, đánh bắt, thu lượm khác.

31. Chính sách của Việt Nam không phân biệt đối xử với người DTTS, được thể hiện bằng việc thành lập Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Hiến pháp (2013) đưa ra các khuôn khổ pháp lý và thể chế để bảo vệ các DTTS và phê chuẩn các ngôn ngữ riêng biệt của họ như một trong những khía cạnh của sự đa dạng và bản sắc văn hóa. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động liên quan đến người DTTS nhằm đảm bảo quyền tiếp cận và tham gia bình đẳng vào các chính sách và đầu tư của Chính phủ. Điều này đã được thực hiện, ví dụ, trong việc người DTTS được hưởng các chế độ ưu tiên để vào học đại học, các chế độ từ các chương trình xã hội khác và ưu đãi giảm giá (như dầu ăn, cấp phát muối iốt).

32. Chính phủ, các cơ quan đa phương và song phương, và các tổ chức phi chính phủ đã tổ chức nhiều chương trình phát triển và hỗ trợ đặc biệt dành cho các DTTS. Tuy nhiên, người DTTS ở Việt Nam vẫn chịu nhiều thiệt thòi so cộng đồng còn lại trên cả nước. Các DTTS nghèo nhất ngày càng khó tiếp cận, đối mặt với nhiều thách thức hơn do bị cô lập, tài sản hạn chế, trình độ học vấn thấp, tình trạng sức khỏe kém. Nghèo đói trong cộng đồng DTTS là một thách thức ngày càng lớn và dai dẳng. Theo số liệu chuẩn nghèo mới nhất, 66,3% DTTS là người nghèo so với chỉ 12,9% dân số Kinh (NHTG, 2012). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo đói lan rộng trong các nhóm DTTS ở Việt Nam. Chẳng hạn như sự gia tăng dân số, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và sự lệch lạc văn hóa do nhiều thập kỷ chịu những thay đổi áp đặt.

3.1. Dân tộc thiểu số trong khu vực dự án

33. ĐBSCL là nơi sinh sống của nhiều dân tộc khác nhau, bao gồm Kinh (88,8%), Khmer (8%), Hoa (1,8%), còn lại là người Chăm và các nhóm nhỏ DTTS khác, với sự phân bố dân cư không đồng đều. Tổng số người DTTS ở đồng bằng sông Cửu Long năm 2019 là 1.787.450 người trên tổng số người DTTS cả nước là 17.445.900 người (chiếm 10,2%), trong đó số người Khmer là: 1.428.848 (79,94%), người Hoa là 316.460 (17,66%), và người Chăm và các nhóm nhỏ người DTTS khác là 42.140 (2,36 %) [*Khung chính sách DTTS của Dự án, 2020*].

34. Trong quá trình chuẩn bị KHPTDTTS, đơn vị tư vấn đã sử dụng Biểu mẫu sàng lọc (Phụ lục 1) để tiến hành sàng lọc để xác nhận được sự hiện diện của các cộng đồng DTTS trong khu vực dự án và các rủi ro liên quan đến sự can thiệp của dự án. Kết quả sàng lọc cho thấy tổng số người DTTS (Khmer và Hoa) trong khu vực dự án là 3.713 người trên tổng số 30.502 dân trong vùng (chiếm khoảng 8,6 %), trong đó dân tộc Khmer là 3.241 người, chiếm 10,6% tổng dân số vùng dự án. Trong đó có 166 hộ DTTS (người Khmer: 145 hộ; người DTTS khác: 21 hộ) sẽ bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất của dự án (thu hồi một phần diện tích đất sản xuất). Đối với các hộ DTTS còn lại, không có tác động tiêu cực đáng kể đến đất đai, thu nhập/sinh kế của họ, ngoại trừ các tác động tạm thời trong giai đoạn xây dựng. Tất cả người DTTS trong vùng dự án sẽ được hưởng lợi sau khi dự án được hoàn thành.

Bảng 9: Dân số người DTTS (người) trong khu vực dự án

TT	Tên Xã	Số dân	Người kinh	Người DTTS
1.	Bình Giang	16.130	13.488	2.642
2.	Bình Sơn	14.390	13.319	1.071
	Vùng dự án	**30.520**	**26.807**	**3.713**

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Hòn Đất, 2023 (trước khi sát nhập).

Bảng 10: Số người/hộ DTTS bị tác động bởi dự án

TT	Tên xã	Tác động tích cực (người)				Tác động tiêu cực (hộ)			
		Hoa	Khmer	Khác	Tổng	Hoa	Khmer	Khác	Tổng
1.	Bình Giang	155	2,465	22	2,642	112	5	1	118
2.	Bình Sơn	275	776	20	1,071	33	14	1	48
	Vùng dự án	**430**	**3,241**	**42**	**3,713**	**145**	**19**	**2**	**166**

Nguồn: Kết quả sàng lọc DTTS trong khu vực dự án, tháng 12/2023

3.2. Đặc điểm kinh tế, văn hoá và xã hội của DTTS trong vùng dự án

35. Như đã trình bày ở trên, kết quả sàng lọc cho thấy chủ yếu người DTTS Khmer ảnh hưởng bởi dự án. Do đó, đánh giá xã hội (ĐGXH) đã được thực hiện để thu thập các thông tin về đặc điểm kinh tế, văn hoá và xã hội của DTTS trong khu vực dự án.

3.2.1. Mục tiêu đánh giá xã hội

36. ĐGXH, phục vụ cho TCMTXH 7 của NHTG, là một nghiên cứu nhằm tìm hiểu xem các hoạt động của dự án do Ngân hàng tài trợ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sinh kế, đất đai và văn hóa của người DTTS hiện diện trong khu vực dự án. Mục đích của ĐGXH là để đảm bảo nếu có bất kỳ tác động bất lợi tiềm tàng nào do dự án gây ra, thì các biện pháp thích hợp phải đưa ra (trước khi thực hiện dự án) để tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ các tác động bất lợi tiềm tàng đó

hoặc để bồi thường cho tác động không thể tránh khỏi. ĐGXH cũng nhằm mục đích xem xét, dựa trên sự hiểu biết về các đặc điểm văn hóa, kinh tế, xã hội của cộng đồng DTTS, các hoạt động phát triển khả thi mà dự áncó thể thực hiện (liên quan đến mục tiêu/mục đích của dự án) để đảm bảo người DTTS trong khu vực dự án nhận được các lợi ích kinh tế - xã hội phù hợp với văn hoá của họ.

37. Các bước cần thiết để thực hiện ĐGXH được nêu trong *Bảng 11*.

Bảng 11: Các bước đánh giá xã hội của dự án

Nhiệm vụ đánh giá xã hội	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
Sàng lọc cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án	Tư vấn MT&XH, chuyên gia xã hội của BQLDA tỉnh, tham vấn với NHTG và các chuyên gia trong nước và địa phương về cộng đồng DTTS	Ngay sau xác định được vị trí dự án
Thu thập dữ liệu thứ cấp về cộng đồng DTTS trên địa bàn dự án	Tư vấn MT&XH	
Thảo luận nhóm tập trung (Tham vấn ban đầu) để phân tích các tác động tiêu cực tiềm tàng, mức độ và khả năng xảy ra của chúng (tại khu vực dự án)	Tư vấn MT&XH, Chuyên gia xã hội của dự án, Chính quyền xã và tỉnh	Ngay sau xác định được vị trí dự án
Phỏng vấn hộ để hiểu các tác động ở cấp hộ gia đình	Tư vấn MT&XH	Trước khi hoàn thành dự án
Thảo luận nhóm tập trung để xác nhận các tác động bất lợi và bắt đầu thảo luận về KHPTDTTS (tại các khu vực dự án)	Tư vấn MT&XH, Chuyên gia xã hội của dự án	Trước khi hoàn thành dự án
Chuẩn bị báo cáo ĐGXH	Tư vấn MT&XH, Chuyên gia xã hội của dự án	Trước khi hoàn thành dự án

3.2.2. Phương pháp đánh giá xã hội

38. Nói một cách ngắn gọn, ĐGXH là một chuỗi các hoạt động được lên kế hoạch và thực hiện một cách cẩn thận để đạt được kết quả như được nêu ở trên. Quan trọng nhất đối với việc ĐGXH là quá trình tham vấn được thực hiện với người DTTS trong khu vực dự án để thu thập thông tin liên quan, phân tích dữ liệu và viết báo cáo EMDP. Tham vấn nên được thực hiện bằng các cuộc họp với người DTTS, được thực hiện vào các thời điểm khác nhau trong 1 chu kỳ của dự án để đảm bảo các tác động và rủi ro tiềm tàng được dự báo chính xác nhất có thể. Để đảm bảo đạt được thông lệ tốt, KHPTDTTS sẽ được chuẩn bị dựa trên đánh giá xã hội dự án và cung cấp các lợi ích phù hợp về mặt văn hóa cho người DTTS. Người DTTS được tham vấn cần được cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ về dự án trước khi tiến hành tham vấn. Ngoài ra, các tác động tiềm tàng, nếu có thể được dự kiến bởi chủ dự án, cần được thông báo cho DTTS để giúp họ hiểu bản chất và mức độ tác động và rủi ro của dự án đến hoạt động tạo thu nhập và sinh kế của họ.

39. Cần áp dụng các phương pháp tham vấn phù hợp, cụ thể cho từng nhóm DTTS để thu được các ý kiến xác đáng và đáng tin cậy từ họ. Khi tham vấn, cần đặc biệt chú ý đến các nhóm DBTT, đặc biệt là những người nghèo, người không có đất, người già, phụ nữ và trẻ em. Điều quan trọng là phải nhận được sự hỗ trợ rộng rãi của cộng đồng đối với việc thực hiện dự án trước khi thẩm định dự án.

3.2.3. Thu thập và phân tích dữ liệu

40. Có hai loại dữ liệu cần được thu thập để ĐGXH cho dự án này. Dữ liệu sẵn có về dân số DTTS bị ảnh hưởng/mục tiêu là dữ liệu thứ cấp. Những dữ liệu này được lấy từ các báo cáo của chính quyền địa phương, niên giám thống kê, sách, bài báo khoa học. Tư vấn MT&XH của dự án đã kiểm tra xem dữ liệu thứ cấp đó có sẵn có không để tránh việc thu thập dữ liệu nhiều lần. Kinh nghiệm cho thấy dữ liệu cụ thể ở cấp hộ gia đình thường không có sẵn. Do đó, dữ liệu sơ cấp đã được thu thập từ những người BAH trong các cuộc điều tra hộ gia đình hoặc thông qua thảo luận nhóm tập trung bằng các kỹ thuật phỏng vấn thích hợp. Ngoài ra, do số lượng người BAH dự án là ít, các cuộc thảo luận nhóm tập trung đã được áp dụng để thu thập thông tin.

41. Trong quá trình ĐGXH để xây dựng KHPTDTTS, các thông tin sau đây đã được thu thập từ các nguồn sơ cấp và thứ cấp:

(i) Dữ liệu kinh tế - xã hội chung về dân số của người DTTS có khả năng BAH, nêu rõ các dữ liệu nhân khẩu học chính, gồm thành phần hộ, dữ liệu (theo giới) về nguồn thu nhập và nghề nghiệp, giáo dục, tình trạng sức khỏe,...

(ii) Các đặc điểm văn hóa chính của các nhóm DTTS;

(iii) Các loại hoạt động tạo thu nhập, bao gồm các nguồn thu nhập của từng thành viên trong hộ gia đình, thời vụ lao động, bao gồm đất đai và tài sản sản xuất.

(iv) Thiên tai hàng năm có thể ảnh hưởng đến sinh kế và khả năng thu nhập của họ;

(v) Nguồn lực chung, hệ thống sản xuất và sinh kế, hệ thống tài sản sở hữu mà người DTTS có thể dựa vào;

(vi) Quan hệ cộng đồng (vốn xã hội, quan hệ họ hàng, mạng xã hội…)

(vii) Tác động tiềm tàng (tích cực và bất lợi) của dự án đối với sinh kế của họ.

(viii) Nguyện vọng của người DTTS đối với các hỗ trợ từ các hoạt động phát triển của dự án.

3.2.4. Quy mô đánh giá xã hội

42. Thông tin kinh tế xã hội của các hộ BAH được thể hiện thông qua việc kiểm kê thiệt hại được thực hiện từ tháng 01&02/2024 và khảo sát kinh tế xã hội được thực hiện từ tháng 2/2024. Tổng số 78 hộ DTTS (315 người) đã được chọn để khảo sát kinh tế xã hội, bao gồm 100% hộ bị ảnh hưởng bởi dự án và 10% hộ DTTS khác trong khu vực dự án (*Bảng 12*).

Bảng 12: Quy mô điều tra kinh tế- xã hội người DTTS trong khu vực dự án

TT	Xã	Số hộ DTTS khảo sát		
		Hộ hưởng lợi	Hộ BAH	Tổng
1	Bình Giang	50	16	66

2	Bình Sơn	12	0	12
	Tổng	**62**	**16**	**78**

3.2.5. Kết quả Đánh giá xã hội

3.2.5.1. Đặc điểm của người Khmer trong khu vực dự án

43. Đặc điểm cơ bản của người Khmer là dựa vào cộng đồng nông thôn. Hình thức tổ chức cộng đồng khá giống với người Kinh về địa bàn canh tác, cư trú và thể chế xã hội. Đa số người dân tộc Khmer sản xuất theo sắp xếp của chính quyền địa phương. Mặc dù có ngôn ngữ, truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, phong tục, lối sống riêng, nhưng họ về mặt xã hội cũng tham gia cùng người Kinh trong nhiều lĩnh vực. Hơn nữa, hầu hết con em họ theo học cùng người Kinh. Họ tham gia hầu hết các hoạt động văn hóa chung, chia sẻ các cơ hội kinh tế và lợi ích công cộng hiện có với người Kinh.

44. **Đời sống văn hóa**: chùa Khmer là tụ điểm sinh hoạt văn hóa - xã hội của người Khmer. Trong chùa có nhiều sư (gọi là các ông lục) và do sư trụ trì. Thanh niên Khmer trước khi trưởng thành thường đến chùa tu học để trau dồi đức hạnh và kiến thức. Nhà chùa thường dạy họ kỹ năng sản xuất và chữ Khmer.

45. Người Khmer sống xen kẽ với người Kinh, Hoa trong các phum, sóc, ấp. Hơn nữa, họ sống họ sống hòa nhập với người Kinh. Họ có nhiều phong tục tập quán và có nền văn hóa nghệ thuật rất độc đáo. Những chùa lớn của họ thường có đội trống, kèn, đàn. Hàng năm, họ có rất nhiều ngày lễ lớn như Chôn Chơ nam thơ mây (năm mới), lễ Phật đản, lễ Đôn ta (xá tội vong nhân), Oóc bom boóc (cúng trăng).

46. **Tôn giáo:** Người Khmer theo đạo Phật. Ngoài ra, họ có tín ngưỡng thờ Neak-ta (một vị thần bảo hộ phum sóc, gia đình) mang đậm nét văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer.

3.2.5.2. Mối quan hệ của người DTTS với cộng đồng

47. Người DTTS và người Kinh trong khu vực dự án cùng chung sống hoà thuận và có mối quan hệ tốt với nhau. Trong cùng một tổ chức hành chính có cả người Kinh và người DTTS làm cán bộ nhà nước. Trong cùng ngôi trường có cả học sinh người DTTS và học sinh người Kinh, có cả giáo viên người kinh lẫn giáo viên người DTTS. Trong các cuộc họp do ấp, xã tổ chức người DTTS và người Kinh cùng tham gia. Trong các cuộc thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa, văn hóa, các DTTS và người Kinh cùng nhau tham gia.

3.2.5.3. Kết quả điều tra tình hình phát triển kinh tế-xã hội của người DTTS ở vùng dự án

a). Thành viên hộ gia đình

48. Theo kết quả điều tra hộ, số nhân khẩu của gia đình DTTS là 4,0 người/hộ (từ 3 - 5 người/hộ, bao gồm cha mẹ và con cái). Người Khmer thường kết hôn với người ở cùng ấp hoặc cùng xã. Cơ cấu gia đình của chủ yếu là gia đình nhỏ và hạt nhân, trong đó vợ, chồng và con cái đóng vai trò quan trọng. Ngoài ra, các gia đình mở rộng từ 3 đến 4 thế hệ cùng chung sống, điều này phổ biến trong cấu trúc gia đình "quan hệ họ hàng phum".

b). Ngôn ngữ

49. Người Khmer có ngôn ngữ riêng là Môn – Khmer. Ngoài ra, trong khu vực dự án, người Khmer có thể sử dụng tiếng Việt để giao tiếp.

c). Hoạt động kinh tế

50. Mặc dù chủ yếu trồng lúa nước, nhưng một bộ phận lớn người Khmer không có đất canh tác phải đi làm thuê. Ngoài ra, một bộ phận người Khmer không được tiếp cận với tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp nên năng suất thấp hơn mức trung bình trong khu vực. Bên cạnh đó, người Khmer có một số ngành nghề như câu cá, dệt, làm đường từ cây Thốt Nốt (Palmyra) và gốm.

d). Nghề nghiệp

51. Kết quả khảo sát cho thấy nông nghiệp mang lại thu nhập chính cho hộ gia đình với 74,6% (235 hộ), làm thuê là 13,0% (41 hộ), thương lái là 9,9% (28 hộ) và cán bộ công nhân viên nhà nước cùng chiếm 1,44% (5 hộ), chi tiết xem *Bảng 13*.

52. Sinh kế chính của người DTTS vẫn là nông nghiệp, trong đó trồng lúa cây lúa, rau màu là phổ biến. Vì vậy, vấn đề đảm bảo nguồn nước không bị nhiễm mặn là điều người DTTS rất mong muốn, đặc biệt quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp vùng dự án.

Bảng 13: Nghề nghiệp của người DTTS trong khu vực dự án

TT	Xã	Nghề nghiệp (người)					
		Nông nghiệp	Làm thuê	Công chức nhà nước	Kinh doanh	Công nhân	Tổng
1	Bình Giang	200	35	4	24	5	268
2	Bình Sơn	35	6	1	4	1	47
	Tổng	**235**	**41**	**5**	**28**	**6**	**315**
	Tỷ lệ (%)	**74,6**	**13,0**	**1,6**	**8,9**	**1,9**	**100,0**

Nguồn: Kết quả điều tra kinh tế - xã hội của người DTTS, tháng 1 năm 2024.

e). Trình độ học vấn

53. Kết quả điều tra hộ cho thấy khoảng 93,3% số hộ được khảo sát đã hoàn thành bậc tiểu học trở lên. Tỷ lệ dân số theo học bậc tiểu học là 59,33%, cao hơn bất kỳ cấp học nào khác. Chỉ có 1,44% số người được khảo sát có trình độ trung cấp trở lên. Tỷ lệ mù chữ là 6,7%, cao hơn đáng kể so với tỷ lệ 0,89% của người Kinh. Con số này chủ yếu tập trung ở người cao tuổi trên 60 tuổi. Có tới 30,42% trường hợp bỏ học là do điều kiện kinh tế khó khăn (*Bảng 14*).

54. Có thể thấy trình độ học vấn của người DTTS rất thấp. Việc này đã hạn chế việc tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật, làm giảm hiệu quả của các sáng kiến sinh kế của dự án và cản trở việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế của nhà nước. Vì vậy, điều quan trọng là phải ưu tiên phát triển và cải tiến giáo dục để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo cho cộng đồng DTTS.

Bảng 14: Trình độ học vấn của các hộ DTTS trong khu vực dự án

TT	Xã	Trình độ học vấn (người)

		Mù chữ	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cao đẳng/ đại học	Tổng
1	Bình Giang	18	159	44	43	4	267
2	Bình Sơn	3	28	8	8	1	48
	Tổng	**21**	**187**	**52**	**50**	**5**	**315**
	Tỷ lệ (%)	**6,7**	**59,3**	**16,5**	**16,0**	**1,4**	**100**

Nguồn: Kết quả điều tra kinh tế - xã hội của người DTTS, tháng 1 năm 2024.

f). Chăm sóc sức khoẻ

55. Số liệu điều tra cho thấy trong vùng dự án vùng có 02 Trạm Y Tế đã đạt chuẩn của Bộ Y Tế với 12 giường bệnh, tổng số 21 cán bộ: 02 bác sĩ, 02 dược sĩ, 07 y sĩ, 03 hộ sinh.

g). Thu nhập

56. Kết quả khảo sát cho thấy thu nhập bình quân đầu người hàng tháng của 78 hộ DTTS bị ảnh hưởng là 2,36 triệu đồng. Trong đó, thu nhập bình quân tháng của của nhóm nghèo tại địa bàn khảo sát là 1,14 đồng, trong khi của nhóm trung lưu là 2,17 đồng và nhóm thu nhập khá hơn là 3,85 đồng. Như vậy, so với tiêu chuẩn phân loại thu nhập tại Nghị định số 07/ND-CP ngày 27/01/2021 áp dụng cho khu vực nông thôn, có 5 hộ được khảo sát thuộc diện nghèo, chiếm 6,7% và 52 hộ có thu nhập trung bình, chiếm 66,7 và 21 hộ có thu nhập khá chiếm 26,7% (*Bảng 15*).

Bảng 15: Thu nhập trung bình của người DTTS trong khu vực dự án

TT	Hạng mục	Hộ nghèo	Hộ trung bình	Hộ giàu
1	**Vùng dự án (*)**	**5**	**52**	**21**
1.1	Xã Bình Giang	4	44	18
1.2	Xã Bình Sơn	1	8	3
2.	**Quy định mức thu nhập cho khu vực nông thôn (**)**	**<1.500.000**	**1.500.000 - 2.250.000**	**>2.250.000**

Ghi chú: (*) Kết quả điều tra kinh tế - xã hội của người DTTS, tháng 1 năm 2024; (**) Nghị định số 07/ND-CP ngày 27/01/2021 về chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025

h). Điều kiện nhà ở

57. Hiện tại, trong khu vực dự án tất cả người Khmer sống trong nhà được xây dựng trên mặt đất. Họ sống trong nhà 1 tầng được xây bằng tường gạch/đất và mái tôn. Nhiều ngôi nhà được xây dựng theo kiểu nhà giống nhà người Kinh. Ngôi nhà được chia thành 2 gian theo chiều ngang, một gian để sinh hoạt và một gian để nấu ăn. Khu vực sinh hoạt được chia thành 2 phần theo chiều dọc: ở chính giữa phía trước được bố trí bàn ghế cho khách, nơi thường có tủ kính chứa gối thêu để trang trí và thuận tiện cho khách. Đằng sau bộ bàn ghế cho khách là bàn thờ Phật. Ở nửa sau của ngôi nhà, bên phải là phòng của vợ chồng và bên trái là phòng của con gái. Trong dịp lễ, nữ mặc áo dài và váy và nam mặc áo cổ tròn có 2 túi. Ngoài ra, người bình thường mặc quần bà ba và chức sắc mặc "chang". Trang phục thường ngày của phụ nữ lớn tuổi là áo dài và váy còn thanh thiếu niên nữ mặc áo sơ mi, váy hoặc quần dài, trong khi đó đàn ông mặc quần tây và áo sơ mi si-mai.

i). Tài sản

58. Giá trị tài sản của mỗi hộ phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện kinh tế của họ. Ở các xã dự án, hộ nghèo chiếm đa số, vì vậy phương tiện sinh hoạt của hộ gia đình chủ yếu có các giá trị thấp, thiết yếu và phổ biến như xe đạp, tivi...

59. Nhìn chung, người Khmer trong vùng dự án tiếp cận với các dịch vụ công cộng tương tự như người Kinh, trong đó:

- **Điện:** tất cả các hộ Khmer trong khu vực dự án sử dụng lưới điện quốc gia.
- **Nước**: Các hộ Khmer sử dụng nước sông, kênh, biển để sản xuất (nước biển dùng để nuôi thủy sản). Ngoài ra, các hộ này còn sử dụng nước giếng – trạm cấp nước (chiếm 98,56%) và nước máy (1,44%) để sinh hoạt (*Bảng 16*). Theo đánh giá của người dân địa phương, nguồn nước vẫn tốt, không có dịch bệnh liên quan đến nước.

Bảng 16: Nguồn nước cho sinh hoạt của người DTTS trong vùng dự án

TT	Xã	Nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt		
		Nước máy	Nước giếng khoan	Tổng
1	Bình Giang	14	52	66
2	Bình Sơn	2	10	12
	Tổng	**16**	**62**	**78**
	Tỷ lệ (%)	**20,0**	**80,0**	**100**

Nguồn: Kết quả điều tra kinh tế - xã hội của người DTTS, tháng 1 năm 2024.

- **Sử dụng nhà vệ sinh.** Trong vùng dự án, 60 hộ Khmer (97,13%) có nhà vệ sinh hợp vệ sinh, trong đó 15 hộ (19,14%) sử dụng nhà vệ sinh tự hoại, 60 hộ (77,99%) sử dụng nhà vệ sinh đơn giản và 3 hộ (2,87%) không có nhà vệ sinh (*Bảng 17*).

Bảng 17: Nhà vệ sinh người Khmer trong vùng dự án sử dụng

TT	Xã	Loại nhà vệ sinh (hộ)			
		Tự hoại	Hợp vệ sinh	Không có nhà vệ sinh	Tổng
1	Bình Giang	13	51	2	66
2	Bình Sơn	2	9	1	12
	Tổng	**15**	**60**	**3**	**78**
	Tỷ lệ (%)	**19,1**	**78,0**	**2,9**	**100**

Nguồn: Kết quả điều tra kinh tế - xã hội của người DTTS, tháng 1 năm 2024

- **Thu gom rác thải.** Các hộ Khmer tự thu gom rác thải sinh hoạt và đốt trong vườn hoặc ném xuống kênh rạch sung quanh.

j). Vấn đề giới

60. Trong gia đình, người chồng hay người cha là người chủ. Tuy nhiên, vai trò của người đàn ông trong gia đình Khmer chủ yếu là lao động sản xuất nông nghiệp và giao dịch với bên ngoài, tiếp đón khách. Nhưng đối với tất cả các công việc còn lại, cả vợ và chồng đều có quyền bình đẳng như nhau. Công việc nội trợ chăm sóc, dạy dỗ con cái và quản lý chi tiêu trong gia đình thuộc về người phụ nữ. Những công việc hệ trọng trong gia đình như mua bán, sắm sửa những thứ đắt tiền, cưới gả con cái, làm phước vào chùa... đều có sự bàn bạc thống nhất giữa

vợ và chồng. Người vợ tham gia hết thảy mọi công việc đồng áng như cấy, nhổ cỏ, gặt hái, làm vườn, gánh nước, làm rẫy, nhổ mạ, bón phân... Quan hệ giữa vợ và chồng người Khmer khá bình đẳng, không khí gia đình hòa thuận, ít khi có xung đột. Sự bình đẳng này còn thể hiện ở chế độ sở hữu tài sản. Trong gia đình, ngoài tài sản chung do công sức hai vợ chồng làm ra trong thời gian chung sống, vợ và chồng đều có quyền sở hữu đất đai chung do sự phân chia của hai gia đình nội ngoại cho họ. Khi ly dị, tài sản riêng của ai thì người đó được giữ lại, còn tài sản chung thì chia đều.

4. TÁC ĐỘNG CỦA dự án ĐẾN DTTS VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

4.1. Tác động của dự án đối với DTTS

4.1.1. Tác động tích cực

61. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho nuôi tôm, bao gồm đường giao thông, các công trình để cấp nước mặn, thoát nước, cấp điện… sẽ cải thiện điều kiện sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm NTTS tại các khu vực dự án, từ đó cải thiện điều kiện sống, thu nhập và sinh kế của cư dân địa phương, bao gồm cả cộng đồng người Khmer. Đặc biệt là có nhiều người Khmer hiện đang sinh sống ở khu vực xây dựng tuyến đường giao thông. Tuy nhiên, tuyến đường hiện hữu ở khu vực này là đường đất, chất lượng rất xấu, khiến cho việc đi lại của người dân gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là người Khmer. Do đó, người Khmer được hưởng lợi rất nhiều khi tuyến đường này được xây dựng xong.

62. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng, nhiều lao động không có tay nghề tại địa phương (đặc biệt là người Khmer) sẽ được thuê làm công nhân xây dựng. Điều này sẽ giúp người dân địa phương có thêm thu nhập ngắn hạn.

4.1.2. Tác động tiêu cực

63. Các tác động tiêu cực của dự án đối với người DTTS như sau:

(i) Thu hồi đất: việc xây dựng tuyến đường và cống sẽ thu hồi đất của 16 hộ Khmer.

(ii) Tác động đến sinh kế: Các hộ DTTS thường tham gia vào trồng lúa, kinh doanh nhỏ và NTTS tại nơi họ sinh sống. Do đó, việc thu hồi đất hoặc di dời các hộ này có thể dẫn đến việc mất nguồn thu nhập/sinh kế hiện có của họ; gián đoạn tạm thời đối với các hoạt động thương mại/công việc và/hoặc ảnh hưởng đến sản xuất lúa của họ trong quá trình xây dựng.

(iii) Tác động và rủi ro chung do hoạt động xây dựng: Các tác động rủi ro chung này bao gồm sự gia tăng bụi, khí thải, tiếng ồn, rung, mất/hư hại cây cối, hoa màu, phát sinh chất thải rắn và nước thải có thể làm suy giảm chất lượng nước mặt ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh, xói mòn đất và bồi lắng và nguy cơ lụt cục bộ.

(iv) Tác động do lao động nhập cư: Thi công dự án sẽ huy động nhiều công nhân từ nơi khác đến vùng dự án. Điều này có thể xảy ra các vấn đề xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và sức khỏe người dân địa phương, đặc biệt là người DTTS trẻ.

(v) Ngập cục bộ: Người DTTS sống trong khu vực xây dựng tuyến đường có nhiều khả năng bị ngập nhà cửa sau khi các tuyến đường được nâng cấp xong vì nền đường có thể cao hơn nhà họ.

(vi) Tác động đến giao thông thuỷ do xây cống: Việc vận hành các cống được xây dựng trong dự án có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động đi lại và vận chuyển hàng hoá của người DTTS khi đóng cống.

(vii) Nguy cơ nhiễm mặn đất. Đất nông nghiệp của người DTTS liền kề các đầm nuôi tôm có thể gặp rủi ro về nhiễm mặn do nước mặn của đầm nuôi tôm có thể thấm qua bờ ao ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt và quỹ đất sử dụng cho cây trồng. Ngoài ra, cộng đồng DTTS lân cận cũng có thể phải đối mặt với ô nhiễm nguồn nước do nuôi tôm và tiếp xúc với các bệnh phát sinh từ nước và côn trùng và nguy cơ đuối nước có thể xảy ra do mở rộng nuôi trồng thủy sản.

(viii) Gia tăng xung đột sử dụng nước. Hoạt động nuôi trồng thủy sản có thể sử dụng một lượng nước khá lớn cho sản xuất, đồng thời thải ra chất thải gây ô nhiễm nguồn nước, dẫn đến thiếu nước cho các người sử dụng vào mục đích khác. Việc thiếu nước ngọt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng gây ra nhiệt độ tăng và mực nước biển dâng.

(ix) Tụt hậu về thu nhập do không đủ điều kiện để chuyển đổi sang mô hình tôm – lúa: do mô hình này đòi hỏi diện tích đất và kinh phí lớn, kinh nghiệm và năng lực nắm bắt công nghệ chuyển giao cao, trong khi đó DTTS thường thiếu các nguồn lực như vậy.

4.1.3. Biện pháp giảm thiểu

4.1.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị

- Tổ chức tham vấn các bên liên quan: nhiều cuộc tham vấn với cộng đồng địa phương đã được tiến hành trong suốt giai đoạn chuẩn bị của dự án nhằm giảm thiểu những rủi ro và tác động tiêu cực tiềm ẩn cũng như thiết lập các kênh truyền thông hiệu quả.
- Chi tiết việc thực hiện kiểm kê thiệt hại, giá thay thế và chi trả của dự án đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương phổ biến rộng rãi về các hoạt động của dự án, các chính sách dự án để cộng đồng hiểu được lợi ích của dự án và cách thức hoạt động của nó.
- Thực hiện Kế hoạch tái định cư (KHTĐC): Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhằm tránh thu hồi đất và tái định cư của người dân địa phương nhưng vẫn không thể tránh khỏi việc yêu cầu thu hồi đất và các tài sản khác của người dân. Theo yêu cầu của NHTG, chủ dự án đã lập KHTĐC cho dự án. Kế hoạch này phản ánh cách thức mà dự án đã thực hiện để giảm thiểu ảnh hưởng do thu hồi đất của các hộ BAH của dự án; khôi phục sinh kế cho họ bằng cách đền bù, hỗ trợ họ. Mục tiêu chung của KHTĐC là đảm bảo rằng tất cả các hộ BAH đều được bồi thường theo chi phí thay thế cho những ảnh hưởng do thu hồi đất và cung cấp các biện pháp phục hồi để họ có thể khôi phục sinh kế - ít nhất là bằng mức trước khi chưa có dự án.

4.1.3.2. Trong giai đoạn thi công

- Các biện pháp giảm thiểu tác động và rủi ro chung trong quá trình thi công: Quy tắc thực hành môi trường và xã hội (QTTHMTXH).
- Đào tạo cho nhà thầu về đặc điểm văn hóa, nội quy, ứng xử trong xây dựng của công nhân với người DTTS.

4.1.3.3. Trong giai đoạn vận hành

- Thông báo quy trình vận hành cống trước 15 ngày kể từ ngày vận hành cống.
- Đào tạo nâng cao nhận thức cho người DTTS để giúp họ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động sinh kế của dự án.
- Ưu tiên người DTTS tham gia vào các mô hình sinh kế của dự án.
- Lồng ghép các hộ DTTS tham gia tập huấn kỹ thuật với các khóa tập huấn kỹ thuật của dự án.
- Tăng cường tuyên truyền bằng tiếng Khmer.

5. THAM VẤN CỘNG ĐỘNG VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

5.1. Tham vấn cộng đồng

5.1.1. Trong quá trình chuẩn bị dự án

64. Trong quá trình chuẩn bị dự án, một trong những mục đích của quá trình tham vấn và các cuộc họp cộng đồng định kỳ là thu hút người DTTS tham gia vào các cuộc tham vấn có ý nghĩa và các ý kiến của họ được lồng ghép vào thiết kế dự án. Việc tham vấn sẽ cho phép người DTTS bày tỏ quan điểm và mối quan tâm của mình, đồng thời xác nhận các lợi ích tiềm năng của dự án cũng như khẳng định được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng. Đối với dự án, quy trình tham vấn được điều chỉnh cho phù hợp với người DTTS, được thiết kế để đảm bảo tuân thủ TCMTXH 7 như trình bày ở các phần sau.

65. Tham vấn với các DTTS được thực hiện dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông báo trước và được thông tin đầy đủ nhằm đảm bảo rằng tất cả các hoạt động đề xuất của dự án nhận được sự ủng hộ rộng rãi của DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án.

66. Để đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong các cuộc họp tham vấn, các buổi thảo luận nhóm nhỏ đã được thực hiện ở địa điểm thuận tiện nhất cho phụ nữ và có bố trí phiên dịch. Tuy nhiên, tất cả đại biểu tham dự đều sử dụng tiếng Việt lưu loát. Các chủ đề được thảo luận bao gồm thông tin về các tác động tiềm tàng của dự án đến văn hóa, phong tục, truyền thống và tập quán sinh kế của người DTTS, hoặc nguồn vốn và kết nối xã hội của họ. BQLDA An Giang sẽ hỗ trợ và cung cấp cơ hội để đối thoại và giải quyết nguyện vọng của cộng đồng DTTS, và xác định các yêu tiên theo phương pháp có sự tham gia.

67. Trong quá trình chuẩn bị KHPTDTTS này, Tư vấn Môi trường và xã hội của dự án đã phối hợp với BQLDA tỉnh Kiên Giang (nay là An Giang) tổ chức các cuộc họp tham vấn các bên liên quan để thảo luận về các tác động (tích cực và tiêu cực) của dự án đến cộng đồng Khmer trong khu vực dự án.

68. Hình thức tham vấn cộng đồng DTTS đã được thực hiện dưới hình thức thảo luận nhóm nhỏ, khoảng 10-15 người. Thảo luận nhóm là một phương tiện tham vấn hiệu quả vì nó khuyến khích việc chia sẻ và thảo luận các quan điểm và ý kiến liên quan đến dự án được đề xuất, sau đó tích hợp các phản hồi và nhận xét đó trong dự thảo EMDP. Đại biểu tham dự được lựa chọn ngẫu nhiên và có lựa chọn (theo các nhóm cụ thể, ví dụ nhóm BAH, nhóm hưởng lợi từ dự án) để thu thập được ý kiến đa chiều.

69. Có 4 cuộc họp tham vấn đã được tổ chức với 183 đại biểu tham gia. Danh sách người tham dự và hình ảnh cuộc họp tham vấn tại vùng dự án được trình bày ở Phụ lục 2.

70. Kết quả tham vấn cộng đồng trong quá trình chuẩn bị KHPTDTTS được tóm tắt trong *Bảng 18*.

Bảng 18: Tổng hợp kết quả tham vấn cộng đồng trong quá trình chuẩn bị KHPTDTTS của dự án

TT	Thời gian	Địa điểm	Đại biểu tham dự			Nội dung	Kết quả tham vấn	
			Tổng	Phụ nữ	Chi tiết		Ý kiến của đại biểu	Phản hồi của Chủ dự án
1	24/01/2024	Trụ sở ấp Ranh Hạt		15	- UBND xã Bình Giang - Các tổ chức chính trị xã hội của xã - Người dân bị ảnh hưởng của dự án trên địa bàn ấp Ranh Hạt và ấp Giồng Kè	- Các nội dung đầu tư của dự án - Nội dung của các tài liệu MT&XH: Đánh giá Môi trường và xã hội, Kế hoạch Quản lý Môi trường và xã hội, Kế hoạch Tham vấn, Quy trình Quản lý Lao động, Kế hoạch Tái định cư, Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số, Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội, Kế hoạch Phát triển giới	- Đây là dự án hiện đại, được xây dựng cho các nhu cầu phát triển trong tương lai nhưng tôi việc vận chuyển vẫn còn sử dụng tuyến đường thuỷ. Tôi đề nghị chuyển sang vận chuyển hoàn toàn bằng đường bộ để tạo điều kiện đi lại và giảm tai nạn giao thông. Ngoài ra, tôi cũng kiến nghị lắp đặt đường dây điện cho toàn bộ khu vực thay vì chỉ có dây điện cho vận hành cống. - Cho tôi biết cụ thể khi nào bắt đầu thi công và thi công trong bao lâu để chúng tôi chủ động trong việc đổ đá để đi lại trên tuyến đường Bình Giang. - Các cống được xây dựng phải đảm bảo chất lượng để không rò rỉ nước mặn vào trong khu vực sản xuất lúa. - Các kênh như Kênh 200 và Đòn Dông thường xuyên có các tàu thuyền đi lại để vận chuyển hàng hoá cho sản xuất lúa. Do đó, tôi kiến nghị không thi công vào giai đoạn thu hoạch lúa. - Hiện nay, các công ty ở trong khu vực đã đóng cửa nhiều, nên người dân tộc thiểu số cũng bị thất nghiệp nhiều. Do đó, đề nghị dự án hỗ trợ vay vốn cũng như đào tạo nghề (ưu tiên nghề làm tại nhà) và đầu ra cho các sản phẩm. - Dự án cần làm cống có chiều rộng và chiều cao lớn nhất có thể để tàu thuyền đi lại dễ dàng - Thi công tuyến đường có làm di dời hộ dân nào của ấp Ranh Hạt không?	- Với điều kiện kinh tế như hiện tại thì Dự án không thể xây dựng toàn bộ tuyến đường bộ mà chỉ xây dựng được 1 đoạn khoảng 7km. - Dự án dự kiến sẽ thi công vào năm 2026 và kéo dài 2 năm. Tuy nhiên, lịch thi công cụ thể sẽ được thông báo đến địa phương sớm. - Quá trình thi công sẽ được giám sát chặt chẽ để đảm bảo các cống được thi công đúng chất lượng. Ngoài ra, trong quá trình vận hành, các cống sẽ được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo mặn không rò rỉ vào khu vực sản xuất lúa. - Dự án ghi nhận ý kiến này và sẽ xem xét trong quá trình thi công để đảm bảo quá trình đi lại thông suốt cho người dân. - Dự án sẽ đưa các ý kiến này vào Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số. - Các cống của Dự án được thiết kế với tĩnh không cao nhất so với các cống hiện có của khu vực và chiều ngang từ 5,5-8m đảm bảo được nhu cầu đi lại của tàu thuyền trong khu vực

							- Các hộ bị ảnh hưởng về đất đai do thực hiện dự án thì có được bồi thường và hỗ trợ gì không?	- Theo tính toán sơ bộ của Dự án thì có 4 hộ thuộc ấp Ranh Hạt bị di dời khi xây dựng tuyến đường của dự án. Tuy nhiên, đây chưa phải là con số cuối cùng. Dự án sẽ thông báo đến các hộ dân khi phương án tuyến đường được phê duyệt. - Các hộ bị ảnh hưởng về đất và tài sản trên đất phục vụ cho Dự án sẽ được bồi thường và hỗ trợ theo các quy định hiện hành của Việt Nam và tỉnh An Giang
2	25/01/2024	Trụ sở ấp Giồng Kè		16	- UBND xã Bình Giang - Các tổ chức chính trị xã hội của xã - Người dân bị ảnh hưởng của dự án trên địa bàn ấp Giồng Kè, ấp Bình Hoà và ấp 4	- Các nội dung đầu tư của dự án - Nội dung của các tài liệu MT&XH: Đánh giá Môi trường và xã hội, Kế hoạch Quản lý Môi trường và xã hội, Kế hoạch Tham vấn, Quy trình Quản lý Lao động, Kế hoạch Tái định cư, Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số, Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội, Kế hoạch Phát triển giới	- Đây là dự án xây dựng phục vụ cộng đồng trong đó bao gồm xây dựng tuyến đường để người dân đi lại thuận tiện, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ phát triển nuôi trồng thuỷ sản. Tuy nhiên, người dân tộc thiểu số của chúng tôi hiện có cuộc sống khó khăn, ít đất để phát triển thuỷ sản. Do đó, tôi đề nghị sau khi dự án đi vào vận hành, nếu có các công ty làm về lĩnh vực nuôi trồng thuỷ sản vào khu vực của chúng tôi, thì tôi mong muốn dự án tạo điều kiện cho chúng tôi được làm việc cho công ty này (đặc biệt là phụ nữ) để chúng tôi được làm việc tại quê nhà, không phải đi xa và phụ nữ vẫn chăm sóc được gia đình mà vẫn có được thu nhập - Điều kiện của khu vực của chúng tôi không phù hợp với nuôi những loại gia cầm nhỏ như gà, vịt. Do đó, tôi muốn dự án hỗ trợ chúng tôi về kỹ thuật và con giống của các loại lớn như trâu, bò, lợn để chúng tôi phát triển được sản xuất và tạo được thu nhập - Việc xây dựng tuyến đường Bình Giang 1 có làm ảnh hưởng đến đất đai và nhà cửa của	- Dự án ghi nhận ý kiến này và sẽ lồng ghép các ý kiến này trong quá trình phát triển dự án. - Dự án ghi nhận ý kiến này và sẽ xem xét trong quá trình thực hiện dự án - Việc xây dựng các cống cấp nước mặn cho nuôi thuỷ sản vẫn đảm bảo việc cấp nước ngọt cho sản xuất lúa. Tuy nhiên, trong dự án không đầu tư hạng mục cấp nước sạch cho sinh hoạt. - Thi công tuyến đường Bình Giang 1 sẽ có ảnh hưởng đến đất đai, nhà cửa và các công trình khác trên đất. Tất cả các ảnh hưởng về đất đai, nhà cửa và công trình sẽ được bồi thường và hỗ trợ theo đúng chính sách hiện hành của Việt Nam nói chung và An Giang nói riêng.

							chúng tôi không? Nếu có thì chúng tôi có được bồi thường và hỗ trợ gì không? - Dự án sẽ xây dựng các cống đưa nước mặn vào để nuôi trồng thủy sản thì có thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt không? Ngoài ra, hiện nay trong khu vực của chúng tôi hiện đang thiếu nước sạch cho sinh hoạt. Do đó, cho tôi được biết trong các hạng mục của Dự án có hạng mục nào hỗ trợ việc cấp nước cho sinh hoạt không?	
3	26/01/2024	UBND xã Bình Sơn		50	- UBND xã Bình Giang - Các tổ chức chính trị xã hội của xã - Người dân bị ảnh hưởng của dự án trên địa bàn xã Bình Sơn	- Các nội dung đầu tư của dự án - Nội dung của các tài liệu MT&XH: Đánh giá Môi trường và xã hội, Kế hoạch Quản lý Môi trường và xã hội, Kế hoạch Tham vấn, Quy trình Quản lý Lao động, Kế hoạch Tái định cư, Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số, Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội, Kế hoạch Phát triển giới	- Tôi đã đọc nhiều tài liệu nói về tác động của biến đổi khí hậu đến năm 2050 (La Nina, El Nino…), do đó tôi nhận thấy việc thực hiện dự án với mục tiêu để chuyển đổi dần dần mô hình sinh kế trong điều kiện biến đổi khí hậu. Có thể bây giờ sản xuất lúa vẫn còn có hiệu quả, nhưng dưới tác động của biến đổi khí hậu trong tương lai thì khi đó chuyển sang nuôi tôm vẫn được nên là tôi hoàn toàn ủng hộ Dự án. - Giao thông thuỷ ở khu vực xây dựng 2 cống: ▪ Cống Vàm Rầy 1 hiện đang bị cạn nên hầu như không có tàu thuyền đi lại được nên cần có kế hoạch nạo vét. ▪ Cống Vàm Rầy 2: ít tàu thuyền và tàu thuyền đi lại nhiều nhất là vào giai đoạn gặt lúa. - Cho tôi hỏi khi có hệ thống công trình, chúng tôi muốn chuyển sang nuôi tôm thì có dễ thực hiện không? - Gia đình có rất ít đất (1-2 công), đang trồng lúa, kinh tế đủ ăn, không có khả năng đầu tư nuôi tôm. Do đó, sợ là không đủ diện tích để nuôi tôm cũng như sợ nuôi tôm phải vay tiền, lỡ như không thành công thì sẽ mất sổ đỏ. Tôi muốn biết là Dự án có cho tiền làm mô hình	- Dự án xin cảm ơn ông đã ủng hộ việc thực hiện dự án. - Dự án sẽ ghi nhận ý kiến về việc nạo vét khu vực xây dựng cống Vàm Rầy 1 và sẽ chuyển đến các đơn vị liên quan. - Việc chuyển từ trồng lúa sang nuôi tôm thì chỉ cần đào rảnh ở trên ruộng lúa, ở bên trên trồng lúa và ở dưới nuôi tôm - Trong quá trình thực hiện, Dự án sẽ quan tâm và đưa các hộ dân tộc thiểu số vào tham gia các mô hình trình diễn nếu các hộ có nhu cầu - Dự án sẽ ghi nhận ý kiến này và sẽ xem xét hỗ trợ các hộ DTTS nếu các hộ có nhu cầu chuyển đổi sang nuôi tôm - Việc xây dựng các cống lấy nước mặn vẫn đảm bảo nguồn nước ngọt cho các hộ trồng lúa

							không? Hay vay không trả có bị mất đất không? - Đề nghị dự án xem xét hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm, con giống, thức ăn… cho các hộ dân tộc thiểu số để chúng tôi có thể chuyển đổi sang nuôi tôm được không? - Đây là khu vực lấy nước ngọt và gia đình tôi thì nghèo, vậy khi xây dựng cống cấp nước mặn thì Nhà nước có cho vay tiền để mua dụng cụ trữ nước ngọt không?	

5.1.2. Tham vấn trong quá trình thực hiện dự án

71. Tiến hành tham vấn người DTTS trong quá trình thực hiện dự án nhằm mục đích thu thập và ghi lại thông tin về nhu cầu và những thách thức cụ thể mà họ đang phải đối mặt và xác định các hỗ trợ bổ sung. Tư vấn giám sát độc lập (TVGSĐL) do Chủ dự án huy động sẽ xây dựng các quy trình và hướng dẫn tham vấn để đảm bảo rằng các cuộc tham vấn được thực hiện tại địa điểm và thời gian phù hợp.

72. Ngoài ra, việc tham vấn cần được tiến hành theo cách mà người DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương (DBTT) khác đều có thể tham gia cũng như tạo một môi trường thân thiện và trung thực, không có sự can thiệp hoặc đe dọa từ bên ngoài.

73. Quá trình tham vấn nên đảm bảo cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng:

(i) Hiểu rõ mục tiêu của dự án;

(ii) Nhận thức được lợi ích của dự án và tin rằng các lợi ích này phù hợp với văn hoá của mình;

(iii) Có đủ cơ hội để xác định được các ưu tiên và hạn chế của mình liên quan đến đền bù, tái định cư và các vấn đề môi trường.

74. Trong giai đoạn thực hiện dự án, người DTTS sẽ được tham vấn về tất cả các hoạt động của dự án mà có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực tiềm tàng đến họ. Mọi nỗ lực sẽ được thực hiện để thu hút sự tham gia của DTTS vào lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện và giám sát để phát huy tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực từ dự án. Quy trình tham vấn có ý nghĩa được trình bày trong *Bảng 19*.

Bảng 19: Đề xuất các bước tham vấn có ý nghĩa áp dụng cho dự án

Nhiệm vụ tham vấn	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
Xác định các bên liên quan chính ở cấp tỉnh và cộng đồng BAH	Tư vấn MT&XH	Ngay sau khi xác định được vị trí của dự án
Công bố thông tin về dự án trước cuộc họp khởi động ít nhất 2 tuần	BQLDA tỉnh	Ngay sau khi xác định được vị trí của dự án
Tổ chức họp để thông tin ban đầu về dự án và các tác động tiềm tàng của nó (có thể tăng gấp đôi buổi thảo luận nhóm tập trung về đánh giá xã hội (ĐGXH)) để đảm bảo huy động sớm sự tham gia của các bên liên quan.	Tư vấn MT&XH, BQLDA tỉnh, chính quyền tỉnh An Giang, và xã Bình Giang, Bình Sơn	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án
Ghi lại ý kiến của các bên liên quan về đề xuất ban đầu của dự án	Tư vấn MT&XH	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án
Chỉnh sửa dự án và lập KHPTDTTS dựa trên kết quả tham vấn ban đầu	Tư vấn MT&XH	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án
Trình bày lại đề xuất dự án, cùng với EMDP tại cuộc họp tiếp theo	Tư vấn MT&XH	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án

Nhiệm vụ tham vấn	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
Hoàn thiện đề xuất dự án và KHPTDTTS, công bố lại tại địa phương	BQLDA tỉnh	Trước khi thực hiện dự án
Tiến hành các cuộc họp cập nhật tình hình (nếu có thể) ở cấp cộng đồng	Tư vấn MT&XH, BQLDA tỉnh, chính quyền tỉnh An Giang, và xã Bình Giang, Bình Sơn	Trong quá trình thực hiện dự án

75. BQLDA tỉnh chịu trách nhiệm đảm bảo sự tham gia của cộng đồng thông qua UBND xã Bình Giang, Bình Sơn, các nhóm/tổ chức đoàn thể cộng đồng, lãnh đạo địa phương và lãnh đạo DTTS, Hội phụ nữ và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc (UBMTTQ) và các cơ quan khác ở địa phương. Việc mời người dân địa phương tham gia các cuộc họp, bao gồm phụ nữ, để biết quan điểm của họ về các hoạt động của dự án và xác định những tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến cuộc sống của họ là cần thiết.

76. BQLDA tỉnh sẽ định kỳ tổ chức các cuộc họp với UBND xã, Hội phụ nữ, Trưởng ấp và cộng đồng để đảm bảo rằng tất cả bên liên quan đều nhận thức đầy đủ và hiểu rõ nội dung của dự án. Mục đích của cuộc tham vấn là sự tham gia có ý nghĩa, theo đó, tham vấn cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng để thay đổi, điều chỉnh thiết kế dự án nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi, phát huy các tác động tích cực và việc lựa chọn các biện pháp giảm thiểu. Ngoài ra, họ cũng được cung cấp thông tin về Cơ chế giải quyết khiếu nại (CCGQKN) của dự án để giải quyết các khiếu nại phát sinh. BQLDA tỉnh sẽ phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo của tỉnh hoặc/và các cán bộ phụ trách DTTS ở xã để đảm bảo rằng tất cả các tác động đều được xác định và giải quyết.

77. Thông qua quá trình tham vấn, BQLDA tỉnh sẽ thông báo cho người DTTS về các quyền của họ, quy mô và các tác động tiềm tàng của dự án đối với sinh kế, môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Khi có sự khác biệt hoặc xung đột giữa cộng đồng DTTS và các cơ quan thực hiện dự án, BQLDA tỉnh cần phối hợp với các hòa giải viên (thường là Ủy ban hòa giải[2]) đưa ra phương pháp hòa giải và thương lượng để giải quyết những khác biệt đó. Việc đàm phán dựa trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau về sự khác biệt văn hóa, thảo luận với các đại diện hợp pháp của cộng đồng DTTS, đủ thời gian để họ đưa ra quyết định, sẵn sàng thỏa hiệp và ghi chép kết quả đàm phán. NHTG sẽ không tài trợ cho các hoạt động của dự án nếu không có bằng chứng chứng minh được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động đó. Các bằng chứng này bao gồm toàn bộ quá trình, gồm có thông báo mời họp (bản in thư mời, bản tin trên đài phát thanh…); danh sách và chữ ký của người tham gia, đặc biệt là phụ nữ; ảnh; biên bản họp; các mối quan tâm được đặt ra và các giải pháp.

78. Cần lưu ý rằng nhiều DTTS ở Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ và người cao tuổi bị hạn chế về kỹ năng đọc tiếng Việt. Trình độ học vấn và khả năng đọc viết của các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng sẽ được xác định thông qua đánh giá tác động xã hội. Các phương pháp này kết hợp các phương tiện truyền thông phù hợp với văn hóa và giới sẽ được sử dụng để loại bỏ các rào cản giao tiếp. Điều này có thể bao gồm dịch tài liệu sang tiếng dân tộc, sử dụng phiên dịch trong các cuộc họp cộng đồng, sử dụng nhiều hơn các phương pháp giao tiếp với giáo cụ trực quan đối

[2] Thông thường, thành viên của ban hòa giải gồm có các đại diện của Mặt trận tổ quốc, Sở Dân tộc và Tôn giáo và 1 – 2 người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

với cộng đồng DTTS có tỷ lệ mù chữ cao hoặc trình độ học vấn thấp, và tổ chức các cuộc họp cho nữ giới và nam giới riêng theo truyền thống văn hóa địa phương ở những nơi cần thiết.

5.1.3. Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông tin trước và đầy đủ (FPIC)

79. Không có định nghĩa về FPIC được chấp nhận rộng rãi. Do đó, để phù hợp với yêu cầu của TCMTXH này, FPIC được thiết lập như sau:

(i) FPIC được áp dụng trong thiết kế, tổ chức thực hiện dự án và các hoạt động của dự án dự kiến liên quan đến rủi ro và tác động đối với các DTTS;

(ii) FPIC xây dựng và mở rộng dựa vào việc tham vấn có ý nghĩa được mô tả trong TCMTXH10 và trong các phần trên, và sẽ được thiết lập thông qua thảo thuận thiện chí giữa BQLDA tỉnh và cộng đồng DTTS địa phương BAH;

80. FPIC chỉ được áp dụng cho dự án này do dự án có "tác động tiêu cực đến đất đai và tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu truyền thống hoặc sử dụng hoặc chiếm hữu theo tập quán". Các tác động đó đã được nêu cụ thể trong ĐGXH.

81. Theo yêu cầu trong ESS7, dự án phải đảm bảo việc thực hiện tham vấn tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ, thúc đẩy sự tham gia của các DTTS trong việc ban hành thông tin trong toàn bộ vòng đời của dự án. Mục đích của việc thực hiện tham vấn tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ là để xác định xem các hoạt động của dự án, là cái có thể gây ra tác động, có nhận được sự hỗ trợ dông đảo từ cộng đồng hay không. Trong trường hợp dự án có các tác động tiêu cực, điều quan trọng là cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng phải hiểu đầy đủ và rõ ràng về các tác động tiềm tàng đó để họ có thể đưa ra ý kiến thiết thực về cách tránh/giảm nhẹ/giảm thiểu những tác động đó và các thỏa thuận bồi thường trong trường hợp tác động tiêu cực và rủi ro không thể tránh khỏi.

82. Cộng đồng DTTS cần xác định đại diện của họ. Đây là những cá nhân được hầu hết cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng coi là cơ quan hợp pháp thay mặt họ đưa ra quyết định ủng hộ tập thể. Các đại diện có thể được chọn thông qua một quy trình phù hợp với văn hóa của cộng đồng DTTS tương ứng, chẳng hạn như thông qua trưng cầu dân ý hoặc hình thức hội họp, hoặc họ có thể là trưởng bộ lạc hoặc hội đồng trưởng lão.

83. *Bảng 20* cung cấp hướng dẫn để có được sự đồng thuận đối với dự án.

Bảng 20: Các bước thực hiện FPIC đối với dự án

Nhiệm vụ FPIC	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
Xác định các bên liên quan chính ở cấp tỉnh và cộng đồng BAH	Tư vấn MT&XH	Ngay sau xác định được vị trí của dự án
Công bố thông tin về dự án ít nhất 2 tuần trước cuộc họp khởi đầu	BQLDA tỉnh	Ngay sau xác định được vị trí của dự án
Họp thông tin ban đầu về dự án và các tác động và rủi ro tiềm tàng của nó. Nếu những tác động này yêu cầu FPIC, thì cuộc họp sẽ được thực hiện để (1) xác định cách thức có được sự đồng thuận đông đảo của cộng đồng, (2) xác định xem các cuộc đàm phán thiện chí sẽ được tiến hành như thế nào	Tư vấn MT&XH, BQLDA tỉnh, chính quyền xã Bình Giang, Bình Sơn, và tỉnh An Giang	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án

Nhiệm vụ FPIC	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
Ghi lại ý kiến của các bên liên quan về đề xuất ban đầu cho dự án và kế hoạch	Tư vấn MT&XH	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án
Các bước bổ sung tiếp theo cuộc đàm phán thiện chí đã được thống nhất trong cuộc họp khởi đầu, nếu được yêu cầu.	Tư vấn MT&XH, BQLDA tỉnh, chính quyền xã Bình Giang, Bình Sơn, và tỉnh An Giang	
Chỉnh sửa dự ánvà chuẩn bị KHPTDTTS dựa trên kết quả các cuộc đàm phán thiện chí	Tư vấn MT&XH	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án
Trình bày lại đề xuất của dự án, và KHPTDTTS tại cuộc họp tiếp theo và xác nhận đồng tình ủng hộ dự án	Tư vấn MT&XH, BQLDA tỉnh, chính quyền xã Bình Giang, Bình Sơn, và tỉnh An Giang	Trước khi hoàn thiện thiết kế dự án
Hoàn thiện đề xuất dự án, và KHPTDTTS, công bố lại tại địa phương và trình bày tại các sự kiện (ví dụ như các cuộc họp ủy ban được chỉ định, họp người cao tuổi, họp trưng cầu dân ý của cộng đồng) để đảm bảo sự ủng hộ tập thể (FPIC)	Tư vấn MT&XH, BQLDA tỉnh, chính quyền xã Bình Giang, Bình Sơn, và tỉnh An Giang	Trước khi thực hiện dự án
Tiến hành các cuộc họp tiếp theo (nếu có thể) ở cấp cộng đồng	BQLDA tỉnh, chính quyền xã Bình Giang, Bình Sơn, và tỉnh An Giang, và nhà thầu	Trong quá trình thực hiện dự án

84. Kết quả tham vấn cần được cung cấp cho DTTS bị ảnh hưởng để cả Tư vấn MT&XH và người DTTS cùng đánh giá kết quả và điều chỉnh các hành động đã được đề xuất, nếu cần. Việc cung cấp kết quả tham vấn có vai trò quan trọng, đặc biệt đối với các trường hợp đã xác định được tác động tiêu cực đến cộng đồng DTTS (từ ĐGXH) và đã được thảo luận với người DTTS trong quá trình tham vấn. Việc cung cấp thông tin phản hồi cho những người BAH có thể thực hiện thông qua họp cộng đồng - được tiến hành theo cách tương tự như tiêu chuẩn FPIC.

85. Các hành động cần thiết để hoàn thành các thỏa thuận đạt được giữa BQLDA tỉnh và cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng sẽ được đưa vào Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội (KHCKMTXT).

86. Trong quá trình thực hiện, BQLDA tỉnh sẽ đảm bảo rằng các hành động cần thiết đã được thực hiện và các lợi ích đã thỏa thuận hoặc các cải tiến đối với dịch vụ được cung cấp để duy trì sự ủng hộ cộng đồng DTTS đối với dự án.

5.2. Công khai thông tin

87. Sau khi được Ngân hàng phê duyệt, KHPTDTTS sẽ được công khai tại địa phương ở nơi dễ tiếp cận và dưới hình thức và ngôn ngữ/cách giao tiếp dễ hiểu đối với người DTTS cũng như các bên liên quan khác của dự án. Bản sao KHPTDTTS (bằng tiếng Việt và tiếng DTTS, nếu cần) sẽ được niêm yết tại UBND các xã của dự án và/hoặc ở những nơi mà cộng đồng DTTS có thể tiếp cận được. Kế hoạch này cũng sẽ được công khai trên cả trang web của NHTG và BQLDA tỉnh.

88. Trước khi công khai, với bản dịch sang ngôn ngữ địa phương, Kế hoạch này sẽ được NHTG thông qua và UBND tỉnh An Giang phê duyệt. Khi có bất kỳ thay đổi về Kế hoạch này sau khi công khai, quy trình công khai thông tin cũng được thực hiện tương tự.

89. Các ý kiến của người DTTS trong các cuộc họp tham vấn sẽ được ghi vào biên bản cuộc họp. Đồng thời, nội dung của tất cả các cuộc họp thường kỳ giữa BQLDA tỉnh và lãnh đạo hoặc đại diện người DTTS sẽ được ghi chép lại. Tất cả các mối quan tâm của những người liên quan sẽ được ghi lại theo cách này để tích hợp chúng vào quá trình lập kế hoạch cho dự án và được sử dụng trong quá trình thực hiện để điều chỉnh các hoạt động của dự án. Bất kỳ mối quan tâm, yêu cầu hoặc khiếu nại nào được nêu ra trong các cuộc họp hoặc các cuộc tham vấn khác sẽ được ghi lại theo cách tương tự.

6. ĐỀ XUẤT CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN DTTS

6.1. Hỗ trợ các hoạt động sinh kế và tạo cơ hội việc làm cho người DTTS

90. Theo kết quả kiểm kê thiệt hại, dự án sẽ hồi vĩnh viễn đất của 16 hộ DTTS. Ngoài ra, việc xây dựng dự đoán sẽ ảnh hưởng đến hoạt động trồng lúa của một số hộ DTTS. Do đó, các giải pháp sau đây được đề xuất để giảm thiểu tác động và cải thiện thu nhập của người DTTS như sau:

- Tiến hành tham vấn và thông báo kịp thời cho người người DTTS các hoạt động xây dựng để họ có thể chủ động và có kế hoạch phù hợp để đánh sản xuất lúa.
- Người DTTS được khuyến khích tham gia các chương trình phát triển nông nghiệp/nuôi trồng thủy sản (khoảng 30-50% người DTTS sẽ tham gia các chương trình này nếu có nhu cầu).
- Các chương trình tín dụng vi mô, được quản lý bởi hội phụ nữ và hội nông dân sẽ được cung cấp cho các hộ gia đình DTTS có nhu cầu đầu tư cho các hoạt động sản xuất.

91. Hơn nữa, khi dự án được xây dựng xong, việc chuyển đổi sang mô hình nuôi tôm-lúa sẽ diễn ra rộng khắp vùng dự án. Việc chuyển đổi này đòi hỏi diện tích đất lớn, vốn đầu tư cao, kinh nghiệm và năng lực nắm bắt công nghệ chuyển giao cao, trong khi đó người DTTS thường thiếu các nguồn lực như vậy. Điều này sẽ dẫn đến việc tụt hậu về thu nhập của người DTTS. Do đó, các biện pháp sau được đề xuất để giảm thiểu tác động này:

- Đào tạo nâng cao nhận thức cho người DTTS để giúp họ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động sinh kế của dự án.
- Ưu tiên người DTTS tham gia vào các mô hình sinh kế của dự án.
- Lồng ghép các hộ DTTS tham gia tập huấn kỹ thuật với các khóa tập huấn kỹ thuật của dự án.
- Tăng cường tuyên truyền về mô hình và mô hình thành công bằng tiếng Khmer.

6.2. Nâng cao nhận thức cho người DTTS

92. Người DTTS sẽ có nguy cơ bị nhiễm các bệnh lây lan qua đường tình dục như HIV/AIDS cũng như tai nạn giao thông. Do đó, các biện pháp giảm thiểu các rủi ro này được đề xuất như sau:

- Nhà thầu nâng cao nhận thức cho người lao động của mình về các bệnh lây nhiễm, các bệnh lây lan qua đường tình dục cũng như quan hệ tình dục an toàn.

- Các nhà thầu đảm bảo các phương tiện của mình không di chuyển vào giờ cao điểm cũng như tuân thủ các quy định về giao thông.
- Đào tạo về các biện pháp ngăn ngừa tệ nạn xã hội cho cộng đồng DTTS (đặc biệt là phụ nữ) kết hợp trong các buổi tham vấn cộng đồng và/hoặc trên các loa phát thanh để bảo vệ cộng đồng DTTS khỏi các tệ nạn.
- Cải thiện nhận thức cộng đồng về thông tin dự án và các chính sách của dự án để đảm bảo rằng sự tham gia của DTTS trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án được thực hiện thông qua tham vấn cộng đồng.

6.3. Chính sách việc làm cho người DTTS

- Tạo cơ hội việc làm cho người DTTS trong quá trình xây dựng (khoảng 5-10% công nhân dự án là DTTS). Thông tin tuyển dụng địa phương cần được cung cấp cho các nhóm DTTS càng sớm càng tốt để có được sự ủng hộ và chấp nhận của họ. Điều này giúp cho dự án được thực hiện mà không gặp bất kỳ trở ngại đáng kể nào.
- Đào tạo về quyền lợi của người lao động cho lao động là người DTTS, đặc biệt lao động nữ.
- Ưu tiên đào tạo và tuyển dụng những người DTTS, gồm cả nam và nữ. dự án sẽ làm việc đồng thời trên hai yếu tố chính: (i) đào tạo để hỗ trợ việc đưa người DTTS vào thị trường lao động địa phương; và (ii) thay đổi ngôn ngữ tuyển dụng để tạo cơ hội bình đẳng cho nam và nữ để loại bỏ những nghi ngờ về khả năng của người DTTS, đặc biệt là nữ giới. Người DTTS, đặc biệt là phụ nữ sẽ được tuyển dụng làm việc trong dự án nếu đáp ứng được yêu cầu.

93. Các hoạt động để phát triển người DTTS được tổng hợp như trong *Bảng 21*.

Bảng 21: Tổng hợp các hoạt động để phát triển người DTTS của dự án

TT	Tác động	Biện pháp	Thực hiện
1	Tác động do thu hồi đất	- Tham vấn phù hợp. - Sẽ bồi thường, hỗ trợ cho các hộ DTTS bị ảnh hưởng. Các chi tiết được trình bày trong KHTĐ của dự án. - Thông báo kịp thời lịch thi công để các hộ DTTS chủ động và có phương án trồng lúa phù hợp. - Đào tạo kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, thủy sản cho các hộ DTTS số có mong muốn phát triển kỹ thuật và phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Hoạt động này nhằm mục đích thu hút 30-50% hộ gia đình người DTTS trong khu vực dự án tham dự các lớp tập huấn nếu họ muốn. - Các chương trình tín dụng - cho vay do Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Ngân hàng Chính sách xã hội An Giang quản lý sẽ được cung cấp cho các hộ DTTS nếu có nhu cầu.	- Đơn vị thực hiện: BQLDA, tư vấn và UBND xã, các đoàn thể (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân), Trung tâm Khuyến nông đào tạo về nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. - Đối tượng tham gia: 30-50% DTTS trong vùng dự án. - Nguồn kinh phí: ngân sách KHPTDTTS.
		- Tạo thêm cơ hội việc làm cho người DTTS trong quá trình xây dựng	- Đơn vị thực hiện: Nhà thầu

TT	Tác động	Biện pháp	Thực hiện
		(Khoảng 5-10% công nhân của dự án là người DTTS)	– Thành phần tham gia: Nhà thầu, người DTTS. – Nguồn kinh phí: ngân sách gói thầu.
2	Nguy cơ lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục như HIV/AIDS và tai nạn giao thông trong quá trình thi công	– Nâng cao nhận thức của người lao động về các bệnh truyền nhiễm, bệnh tình dục và quan hệ tình dục an toàn. – Các nhà thầu đảm bảo phương tiện của mình không chạy vào giờ cao điểm và tuân thủ mọi quy định về vận chuyển.	– Đơn vị thực hiện: Nhà thầu – Đối tượng tham gia: Nhà thầu, công nhân, TVGSXD và công nhân – Nguồn kinh phí: kinh phí gói thầu. – BQLDA tỉnh phân công cán bộ phụ trách thực hiện KHPTDTTS, bao gồm thực hiện kế hoạch này và giám sát các nhà thầu để đảm bảo rằng các vấn đề được quản lý tốt.
		– Tập huấn các biện pháp phòng ngừa tệ nạn xã hội cho cộng đồng người DTTS (đặc biệt là phụ nữ DTTS) thông qua tham vấn cộng đồng hoặc/và loa phát thanh để đảm bảo họ được bảo vệ khỏi các bệnh này. Sau khóa đào tạo, các DTTS trong vùng dự án sẽ hiểu rõ các tệ nạn xã hội và các giải pháp đảm bảo an toàn.	– Đơn vị thực hiện: BQLDA tỉnh, tư vấn và UBND xã – Đối tượng tham gia: người DTTS vùng dự án (khoảng 30 - 50% số hộ DTTS vùng dự án tham gia). – Nguồn kinh phí: ngân sách KHPTDTTS.
3	Lạm dụng trẻ em, trả lương thấp cho người DTTS, phụ nữ DTTS cùng làm công việc	– Yêu cầu nhà thầu cung cấp cơ hội việc làm cho người DTTS và phụ nữ DTTS. Mức lương trả cho lao động DTTS, đặc biệt là phụ nữ DTTS phải bằng mức trả cho các lao động khác. – Lao động người DTTS bao gồm cả lao động nữ người DTTS sẽ được cung cấp/đào tạo về quyền lợi trong lao động của mình của họ.	– Đơn vị thực hiện: Nhà thầu, BQLDA tỉnh. – Đối tượng tham gia: Nhà thầu, công nhân, công nhân là người DTTS – Nguồn kinh phí: kinh phí gói thầu. – BQLDA tỉnh phân công cán bộ phụ trách thực hiện KHPTDTTS, bao gồm thực hiện kế hoạch này và giám sát các nhà thầu để đảm bảo các vấn đề được quản lý tốt.
4	Thiếu kiến thức về dự án và các chính sách của dự án	– Tổ chức chiến dịch nâng cao nhận thức của người DTTS về dự án, cũng như huy động người DTTS tham gia vào tất cả các giai đoạn của dự án, từ lập kế hoạch và chuẩn bị đến thực hiện, giám sát và đánh giá. – Cung cấp thông tin và chính sách của dự án ho người DTTS thông qua tham vấn cộng đồng hoặc/và đài phát thanh.	– Đơn vị thực hiện: BQLDA tỉnh, tư vấn và UBND xã – Đối tượng tham gia: DTTS (khoảng 20% DTTS trong vùng dự án). – Nguồn kinh phí: ngân sách KHPTDTTS.
5	Tụt hậu về thu nhập khi dự án được hoàn thành	– Đào tạo nâng cao nhận thức cho người DTTS để giúp họ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động sinh kế của dự án. – Ưu tiên người DTTS tham gia vào các mô hình sinh kế của dự án.	– Đơn vị thực hiện: BQLDA tỉnh, tư vấn và UBND xã – Đối tượng tham gia: DTTS (khoảng 20% DTTS trong vùng dự án). – Nguồn kinh phí: ngân sách dự án.

TT	Tác động	Biện pháp	Thực hiện
		– Lồng ghép các hộ DTTS tham gia tập huấn kỹ thuật với các khóa tập huấn kỹ thuật của dự án. – Tăng cường tuyên truyền về mô hình và mô hình thành công bằng tiếng Khmer.	

94. Trong quá trình kiểm đếm chi tiết và thiết kế chi tiết của dự án, nhu cầu phát triển của người DTTS và các nhu cầu thiết yếu khác của họ sẽ được đánh giá lại để đảm bảo rằng các hoạt động đã lên kế hoạch cho họ được thực hiện đúng.

7. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

95. Các cơ chế giải quyết khiếu nại (CCGQKN) của dự án sẽ bao gồm hai cấp: một là cấp nội bộ cho các cộng đồng liên quan và hai là cơ chế liên quan đến bên hòa giải thứ ba/độc lập. Đối với dự án này, Ban giải quyết khiếu nại sẽ được thành lập từ cấp ấp đến cấp tỉnh, được xây dựng với cơ cấu hiện có gồm các ban, ngành đoàn thể liên quan, phụ nữ và đại diện dân tộc. Ở cấp ấp, đồng quản lý cộng đồng sẽ tích hợp vào các cơ chế khiếu nại hiện có, là các cơ chế được chủ trì bởi người cao tuổi và/hoặc lãnh đạo tinh thần/bộ lạc chủ trì và được chấp nhận rộng rãi bởi cộng đồng địa phương, đặc biệt là các nhóm DTTS.

96. CCGQKN sẽ được áp dụng cho những cá nhân hoặc nhóm BAH trực tiếp hoặc gián tiếp bởi dự án, cũng như nhóm quan tâm đến dự án và/hoặc có khả năng ảnh hưởng đến kết quả dự án- cả tích cực lẫn tiêu cực. dự án sẽ cung cấp đào tạo và hỗ trợ để củng cố các cấu trúc hiện có này nhằm giải quyết hiệu quả và tập trung các khiếu nại có thể phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Tất cả các khiếu nại phải được BQLDA tỉnh lập thành văn bản hợp lệ, có bản sao gửi đến cấp xã và cấp tỉnh.

97. Nếu người DTTS bị ảnh hưởng không hài lòng với quy trình, biện pháp đền bù hoặc giảm thiểu, hoặc với bất kỳ vấn đề nào khác, bản thân người DTTS hoặc đại diện của họ hoặc trưởng ấp có thể khiếu nại lên BQLDA tỉnh hoặc UBND tỉnh theo CCGQKN được xây dựng trong Kế hoạch này. Tất cả các khiếu nại sẽ được giải quyết kịp thời và theo cách phù hợp với văn hóa của đồng bào DTTS bị ảnh hưởng. Mọi chi phí liên quan đến khiếu nại của người DTTS đều được miễn phí. BQLDA tỉnh và TVGSĐL chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giải quyết khiếu nại của người DTTS. Mọi khiếu nại phải được ghi trong hồ sơ dự án của BQLDA tỉnh và được xem xét thường xuyên bởi TVGSĐL.

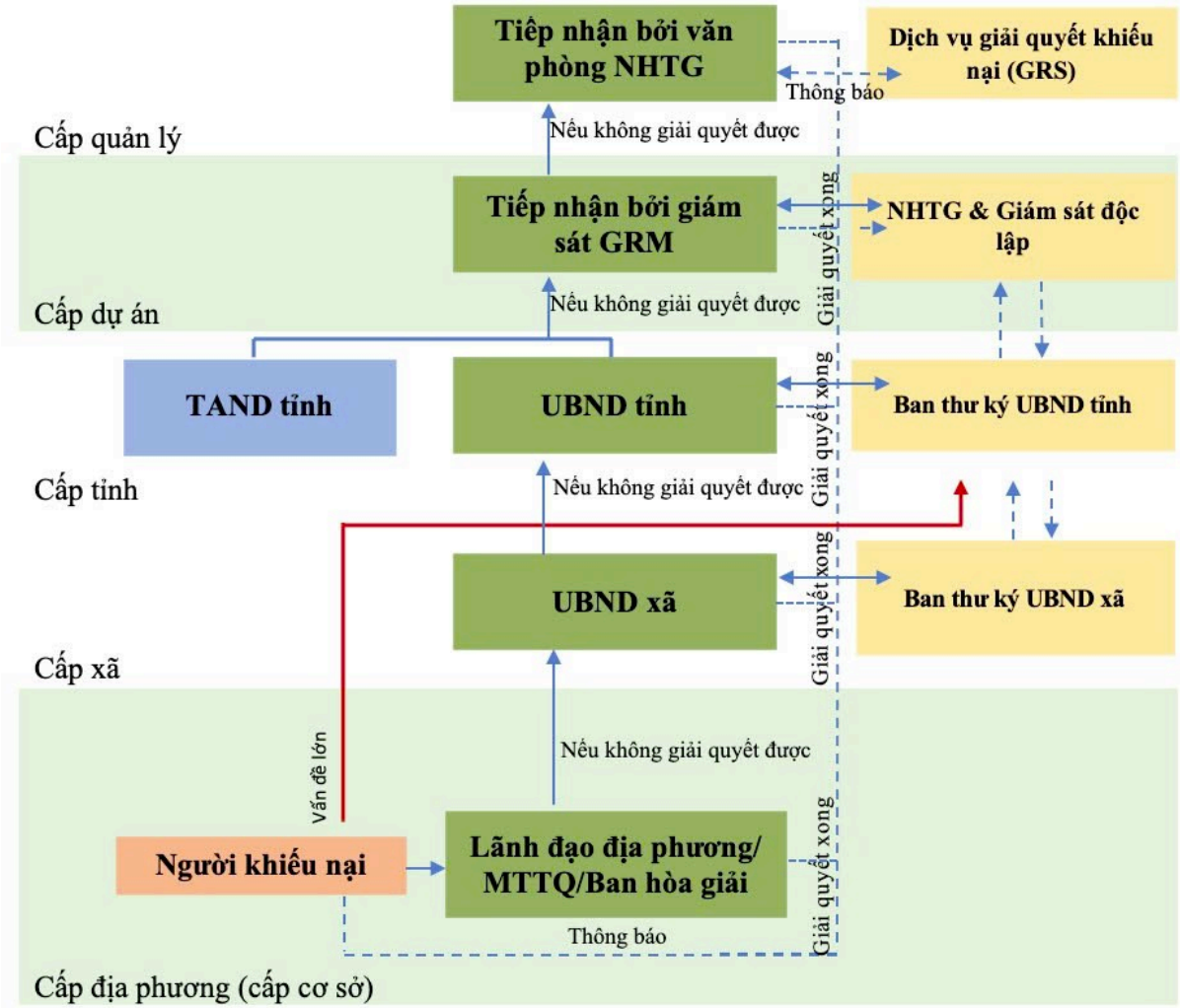
98. Nếu cơ chế dựa vào cộng đồng không giải quyết được được thì cơ chế GRM theo pháp luật Việt Nam sẽ được áp dụng. Các bước trong cơ chế giải quyết khiếu nại gồm:

- *Cấp thứ nhất – UBND xã*: Người BAH có thể gửi khiếu nại của mình đến Bộ phận một cửa[3] thuộc UBND xã, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Thành viên UBND xã tại Bộ phận Một cửa có trách nhiệm thông báo cho lãnh đạo UBND xã về việc khiếu nại để giải quyết. Chủ tịch UBND xã sẽ gặp riêng những người BAH và sẽ giải quyết khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Ban thư ký UBND xã có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu hồ sơ tất cả các khiếu nại do UBND xã xử lý.

[3] Bộ phận một cửa là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Bộ phận này thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân (theo Nghị định 61/2018/ND-compensation plan, ngày 23/04/2018).

- *Cấp thứ hai – UBND tỉnh*: Nếu sau 30 ngày mà người khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND xã, hoặc không hài lòng với kết quả giải quyết khiếu nại của xã thì có thể gửi khiếu nại của mình đến bất kỳ thành viên nào của UBND tỉnh bằng văn bản hoặc bằng lời nói hoặc khởi kiện vụ án hành chính ra Tòa án nhân dân cấp tỉnh để được giải quyết. UBND tỉnh có 45 ngày để giải quyết thỏa đáng các khiếu nại. Ban thư ký UBND tỉnh có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ tất cả các khiếu nại mà mình xử lý. Người BAH có thể khiếu kiện lên Tòa án nếu muốn.
- *Cấp thứ ba - Tòa án*: Nếu sau 45 ngày kể từ ngày nộp đơn khiếu nại lên UBND tỉnh, người khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND tỉnh hoặc không hài lòng với kết quả giải quyết khiếu nại của tỉnh thì có thể khiếu kiện lên tòa án để xét xử. Quyết định của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng. Kết quả giải quyết khiếu kiện phải được gửi cho người khiếu kiện và các bên liên quan và phải được niêm yết tại trụ sở UBND nơi giải quyết khiếu nại. Sau 3 ngày, quyết định/kết quả giải quyết phải được niêm yết ở cấp xã và sau 7 ngày ở cấp tỉnh.

99. Để đảm bảo rằng CCGQKN này được áp dụng và được chấp thuận bởi người DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án, cơ chế này cần được tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng DTTS, có cân nhắc và đánh giá các yếu tố văn hóa cụ thể cũng như truyền thống và hệ thống văn hóa ảnh hưởng đến việc phát sinh và giải quyết khiếu nại. Nên cân nhắc kĩ mục đích và hành động của người DTTS để xác định và quyết định cách thức giải quyết vấn đề sao cho họ thấy thỏa đáng và chấp nhận.



Ghi chú: WB – Ngân hàng thế giới, UBND - Ủy ban nhân dân, TAND – Tòa án nhân dân, MTTQVN – Mặt trận tổ quốc Việt nam, QLDA – quản lý dự án, VP – Văn phòng

Hình 4: Quy trình giải quyết khiếu nại của dự án

8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

100. Việc thực hiện các hoạt động phát triển DTTS cần có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức địa phương, quốc gia, tỉnh và xã. UBND tỉnh An Giang sẽ chịu trách nhiệm tổng thể cho việc thực hiện KHPTDTTS của dự án này.

101. BQLDA tỉnh sẽ phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo điều phối thực hiện Kế hoạch này. BQLDA tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện tổng thể kế hoạch này và đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan của dự án đều hiểu mục đích của của Kế hoạch cũng như cách thức chuẩn bị và phê duyệt Kế hoạch trước khi thực hiện. BQLDA tỉnh cũng chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện hiệu quả Kế hoạch, bao gồm giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch.

102. BQLDA tỉnh có trách nhiệm bố trí nhân lực và ngân sách để thực hiện Kế hoạch này. Trong trường hợp có người DTTS bị ảnh hưởng do thu hồi đất, để được phép thi công, việc bồi thường, hỗ trợ cho các DTTS bị ảnh hưởng sẽ được giải quyết thông qua KHTĐC của dự án.

103. Trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện Kế hoạch như sau:

(i) KHPTDTTS của dự án được Tư vấn MT&XH do BQLDA tỉnh huy động thực hiện. UBND tỉnh sẽ chịu trách nhiệm phê duyệt và thực hiện Kế hoạch sau khi NHTG có thư không phản đối cho Kế hoạch.

(ii) Ngân sách chuẩn bị KHPTDTTS của dự án sẽ được lấy từ vốn đối ứng của địa phương.

9. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

9.1. Giám sát và đánh giá nội bộ

104. BQLDA tỉnh An Giang sẽ chịu trách nhiệm về việc triển khai tổng thể KHPTDTTS. BQLDA tỉnh sẽ chuẩn bị các báo cáo nửa năm về kết quả thực hiện Kế hoạch và đệ trình BQLDA Trung ương và NHTG. Các báo cáo này cần được tích hợp vào báo cáo tiến độ thực hiện KHTĐC của dự án.

105. Các chỉ tiêu giám sát nội bộ việc thực hiện EMDP được trình bày trong *Bảng 22*.

Bảng 22: Các thông số giám sát nội bộ việc thực hiện KHPTDTTS

Nội dung giám sát	Chỉ tiêu giám sát
Chi phí và thời gian	– Có đủ cán bộ để hỗ trợ người DTTS theo kế hoạch? – Hoạt động hỗ trợ đáp ứng các kế hoạch đã lập? – Chi phí cho việc thực hiện KHPTDTTS được phân bổ kịp thời và đầy đủ cho cơ quan thực hiện?
Tham vấn, khiếu nại và các vấn đề đặc biệt	– Có tham vấn cộng đồng và phổ biến thông tin cho người DTTS theo kế hoạch? – Có tập trung thảo luận nhóm thực hiện với nhóm DTTS? – Có bao nhiêu người DTTS biết về lợi ích của họ? – Người DTTS biết và sử dụng cơ chế giải quyết khiếu như thiết lập trong KHPTDTTS? Kết quả? – Số lượng và loại khiếu nại nhận được (được phân loại theo giới tính và nhóm dễ bị tổn thương) – Số lượng và loại khiếu nại giải quyết (được phân loại theo giới tính và nhóm dễ bị tổn thương) – Mức độ nhận thức và sự hài lòng của người DTTS về các lợi ích do dự án mang lại. – Mức độ hài lòng về cơ chế khiếu nại.

9.2. Giám sát và đánh giá độc lập

106. TVGSĐL sẽ được huy động để giám sát việc thực hiện các biện pháp an toàn xã hội của dự án, bao gồm cả KHPTDTTS. Báo cáo giám sát sẽ được trình lên NHTG để xem xét và cho ý kiến. Giám sát độc lập nên được thực hiện hai lần một năm trong quá trình thực hiện dự án để xác định kịp thời các vấn đề cần BQLDA tỉnh An Giang khắc phục sớm.

107. Các chỉ số chính về giám sát và đánh giá độc lập gồm:

(i) Tham vấn cộng đồng và nâng cao nhận thức về lợi ích dự án, chính sách tái định cư và quyền lợi của người DTTS bị ảnh hưởng (nếu có);

(ii) Mức độ hài lòng của đồng bào DTTS bị ảnh hưởng đối với các điều khoản trong KHPTDTTS;

(iii) Cơ chế giải quyết khiếu nại (tài liệu, quy trình, biện pháp giải quyết);

(iv) Hiệu quả và tính bền vững của các quyền và các biện pháp phục hồi thu nhập đối với người DTTS bị ảnh hưởng;

(v) Các tác động về giới và chiến lược để hòa nhập;

(vi) Năng lực của người DTTS bị ảnh hưởng trong việc khôi phục/tái thiết sinh kế và mức sống, các hỗ trợ dự án cung cấp;

(vii) Các tác động của tái định cư gây ra do hoạt động thi công; hành động thực hiện để giảm thiểu và bồi thường cho các tác động đó;

(viii) Các tác động tạm thời hoặc vĩnh viễn ảnh hưởng đến thu nhập và sinh kế của người DTTS và các hành động được thực hiện để giảm thiểu và bồi thường;

(ix) Các hoạt động dự kiến và việc thực hiện chúng để đảm bảo người DTTS được tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện;

(x) Năng lực thể chế để hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện KHPTDTTS, hệ thống giám sát và báo cáo nội bộ;

(xi) Phân bổ ngân sách để chi trả bồi thường và các khoản hỗ trợ cho người DTTS bị ảnh hưởng.

10. TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

10.1. Tiến độ thực hiện

108. KHPTDTTS sẽ được triển khai để đảm bảo rằng hầu hết các DTTS (cả bị ảnh hưởng và được hưởng lợi) đều nhận được lợi ích kinh tế xã hội trong hoạt động khuyến nông và phát triển kinh doanh theo các khuyến nghị/đề xuất của họ trong tham vấn cộng đồng. Tiến độ thực hiện KHPTDTTS được mô tả trong *Bảng 23*.

Bảng 23: Tiến độ thực hiện KHPTDTTS

Các hoạt động	**Tiến độ**
Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin bản dự thảo KHPTDTTS	12/2024
Chuẩn bị KHPTDTTS	12/2024
Trình KHPTDTTS	07/2025
Phê duyệt KHPTDTTS	08/2025
Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin cho bản KHPTDTTS cuối	08/2025
Đào tạo về người DTTS, BQLDA tỉnh và các đơn vị liên quan	01/2026
Công bố thông tin và nâng cao nhận thức (họp cộng đồng, thông báo qua loa phát thanh của xã)	01/2026
Giám sát và đánh giá	01/2026-12/2028

10.2. Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí

109. Kinh phí cho để thực hiện KHPTDTTS là **204.383.520 VNĐ** (Tương đương **8.522** USD), chi tiết được trình bày *Bảng 24*. Kinh phí này sẽ được phân bổ từ vốn đối ứng của địa

phương. UBND tỉnh An Giang sẽ cung cấp đầy đủ kinh phí để chuẩn bị và thực hiện các Kế hoạch này.

Bảng 24: Dự toán kinh phí thực hiện KHPTDTTS

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tập huấn về kỹ năng và ý thức của người DTTS trong vệ sinh môi trường (1 lớp/xã x 2 xã x 50 người/lớp), chi tiết xem trong Bảng 25.	lớp	2	27.600.000	55.200.000	
2	Tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn giao thông	lớp	2	27.600.000	55.200.000	
3	Tập huấn nâng cao kỹ năng phòng chống dịch bệnh và tệ nạn xã hội	lớp	2	27.600.000	55.200.000	
4	Tập huấn đào tạo nghề, kỹ năng thực hiện các mô hình nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản					Kinh phí Kế hoạch Tái định cư của dự án
5	Nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số thông qua các khóa đào tạo và tập huấn chuyên sâu về khoa học công nghệ để thực hiện các mô hình sinh kế của dự án					Kinh phí của dự án
	Tổng phụ				165.600.000	
	Dự phòng (10%)				16.560.000	
	Chi phí quản lý (2%)				3.643.200	
	Thuế VAT (10%)				18.580.320	
	Tổng VND				**204.383.520**	
	Tổng USD				**8.522**	1USD=23983 VND

Bảng 25: Dự toán kinh phí cho 1 lớp tập huấn (50 người, 1 ngày)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Lương cho giảng viên cho lớp tập huấn (2 ngày chuẩn bị bài, 1 ngày tập huấn và 1 ngày đi lại)	ngày	4	3.000.000	12.000.000
2	Chi phí đi lại của giảng viên	ngày	2	1.500.000	3.000.000
3	Lưu trú và công tác phí của giảng viên	ngày	2	800.000	1.600.000
4	Tài liệu tập huấn	người	50	50.000	2.500.000
5	Phụ cấp cho người tham dự (50 người)	người	50	70.000	3.500.000

6	Giải lao giữa giờ (2 buổi/ngày)	suất	100	40.000	4.000.000
7	Thuê hội trường	Ngày	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng				**27.600.000**

PHỤ LỤC 1: MẪU SÀNG LỌC DTTS

Thời gian thực hiện sàng lọc: tại thời điểm tham vấn ban đầu với các xã/cụm

Thông tin cần thu thập: Sàng lọc sơ bộ người DTTS cần thu thập các dữ liệu kinh tế - xã hội về dân số của cộng đồng DTTS sống trong khu vực dự án; xác định mức độ DBTT của từng nhóm DTTS; để xác định xem các DTTS có hình thành cộng đồng cụ thể trong khu vực dự án hay không;

Cách thức thu thập thông tin: Thông tin có thể được thu thập từ lãnh đạo cộng đồng DTTS, trưởng các cụm và các cơ quan có thẩm quyền của xã.

Đối tượng thực hiện sàng lọc: Tư vấn hoặc cán bộ đã được đào tạo của xã và của BQLDA tỉnh.

Tỉnh: _____ **Xã/ cụm:** _____

Tên xã/cụm	Tên dân tộc sống trong vùng dự án	Số người DTTS, số hộ DTTS	Tổng số người DTTS	
			Nữ	Nam

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ VÀ HÌNH ẢNH CÁC CUỘC HỌP THAM VẤN VỀ KHPTDTTS

